



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN**

2022 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

THÔNG TIN LIÊN HỆ



Trụ sở chính: Lô 12A, Khu Công nghiệp Trà Nóc 2,
Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần
Thơ



SĐT: (0292) 3843 392



Website: tranoc-omonwaco.com.vn

TRA NOC – O MON WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY



MỤC LỤC

07

THÔNG TIN CHUNG

23

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM

43

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

53

QUẢN TRỊ CÔNG TY

59

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

75





01 THÔNG TIN CHUNG

<u>Thông tin khái quát</u>	07
<u>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</u>	12
<u>Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</u>	13
<u>Định hướng phát triển</u>	14
<u>Các rủi ro</u>	17

THÔNG TIN KHẮT QUÁT



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC – Ô MÔN

Tên Tiếng Anh	TRA NOC – O MON WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	TRANOC – OMONWACO
Mã cổ phiếu	TOW
Vốn điều lệ	79.781.500.000 đồng
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu vào ngày 06/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 05/5/2021.

Trụ sở chính	Lô 12A, Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ
Số điện thoại	(0292) 3843 392
Số fax	(0292) 3744 126
Website	tranoc-omonwaco.com.vn
Email	capnuoctranoc.omon@gmail.com

THÔNG TIN KHÁT QUÁT (Tiếp theo)

Quá trình hình thành và phát triển

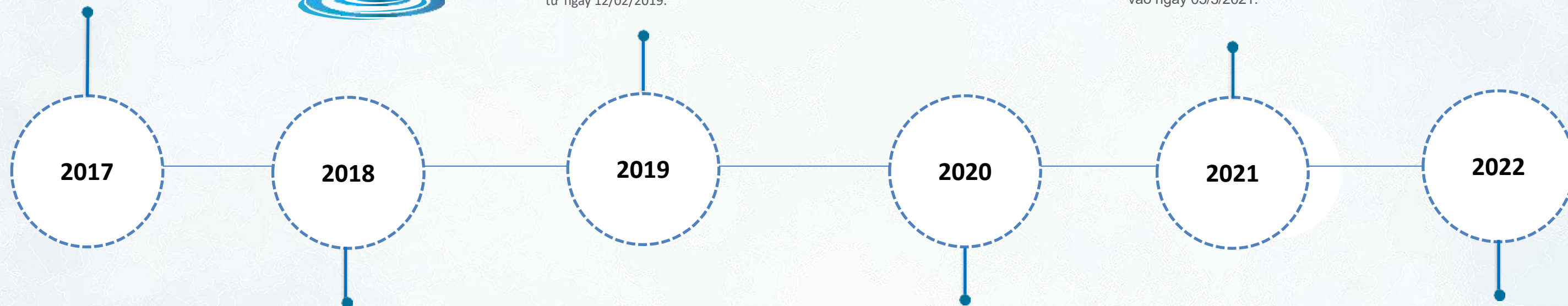
Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn chính thức hoạt động ngày 01/8/2017 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 06/7/2017, với vốn điều lệ 53.188.000.000 đồng.



Công ty chính thức đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo quyết định số 832/QĐ-SGDHN ký ngày 28/12/2018. Phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TOW vào ngày 25/01/2019. Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn được cấp Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 có hiệu lực từ ngày 12/02/2019.



Công ty tăng vốn điều lệ của công ty lên 79.781.500.000 đồng thông qua hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu. Công ty thay đổi GCNĐKDN lần 02 vào ngày 05/5/2021.



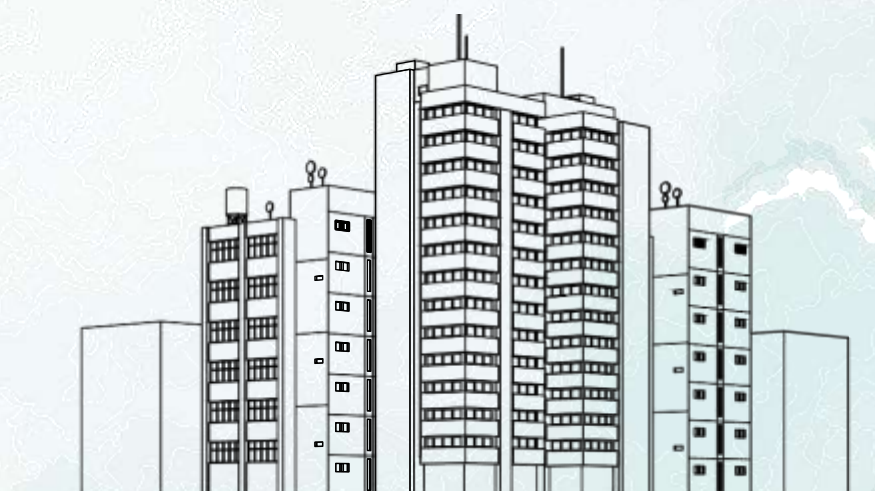
Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn đã thực hiện đăng ký chứng khoán lần đầu và được cấp mã chứng khoán là TOW theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 06/2018/GCNCP-VSD, do Trung tâm Lưu ký Việt Nam cấp ngày 31/01/2018.



Công ty nâng cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng bằng việc cho ra mắt nhiều phương tiện thanh toán hóa đơn tiền nước mà không cần dùng tiền mặt như qua hệ thống VNPT Pay, Ngân hàng Vietinbank, Ngân hàng Vietcombank, Ngân hàng Agribank và hệ thống Payoo, VNPAY...

Công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh điện năng mặt trời vào ngày 20/5/2022.

Ngày 29/6/2022 phát nước chính thức Nhà máy nước Cờ Đỏ công suất 5.000m³/ngày đêm.



THÔNG TIN KHÁT QUÁT (Tiếp theo)

Các giải thưởng tiêu biểu

Năm 2021

- Tham gia Hội thi sáng tạo kỹ thuật thành phố Cần Thơ lần thứ 11, năm 2020 - 2021, đạt giải nhì đối với giải pháp ứng dụng Mapinfo trong quản lý cấp nước và giải khuyến khích.
- 03 tập thể đạt Lao động tiên tiến Công ty và Hội đồng Thi đua khen thưởng thành phố công nhận 05 tập thể Lao động xuất sắc.
- 04 tập thể đạt Giấy khen Công ty và Hội đồng Thi đua khen thưởng thành phố công nhận Bằng khen: 04 tập thể và 05 cá nhân.

Năm 2022

- 03 tập thể đạt Lao động tiên tiến và Hội đồng Thi đua khen thưởng thành phố công nhận 05 tập thể Lao động xuất sắc (Công ty và 04 đơn vị trực thuộc).
- 07 tập thể đạt Giấy khen Công ty và Hội đồng Thi đua khen thưởng thành phố công nhận Bằng khen: 01 tập thể và 03 cá nhân.
- Đang đề nghị: 01 cá nhân đạt chiến sĩ thi đua cấp Thành phố; 01 Bằng khen cấp Thành phố; và 01 Bằng khen Thủ tướng.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: sản xuất nước sinh hoạt, kinh doanh nước sinh hoạt	3600 (chính)
2	Sản xuất điện Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời (hoạt động phải tuân thủ quy định của pháp luật)	3511
3	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Hoạt động mua bán điện từ năng lượng mặt trời (hoạt động phải tuân thủ quy định của pháp luật)	3512
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Thi công công trình cấp, thoát nước	4322

Địa bàn kinh doanh

Hiện nay, Công ty đang cung cấp nước trên các địa phương:

- TRANOC-OMONWACO trực tiếp quản lý cấp nước tại Khu Công nghiệp Trà Nóc I và Trà Nóc II, các phường Trà Nóc và Thới An Đông thuộc quận Bình Thủy, phường Phước Thới và phường Trường Lạc thuộc quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
- Đối với Chi nhánh Cấp nước Ô Môn, hoạt động kinh doanh, khai thác, xử lý và cung cấp nước tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
- Trạm Cấp nước Thới Lai hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý địa bàn cấp nước cho huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.
- Trạm Cấp nước Cờ Đỏ hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý địa bàn cấp nước sạch cho huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.



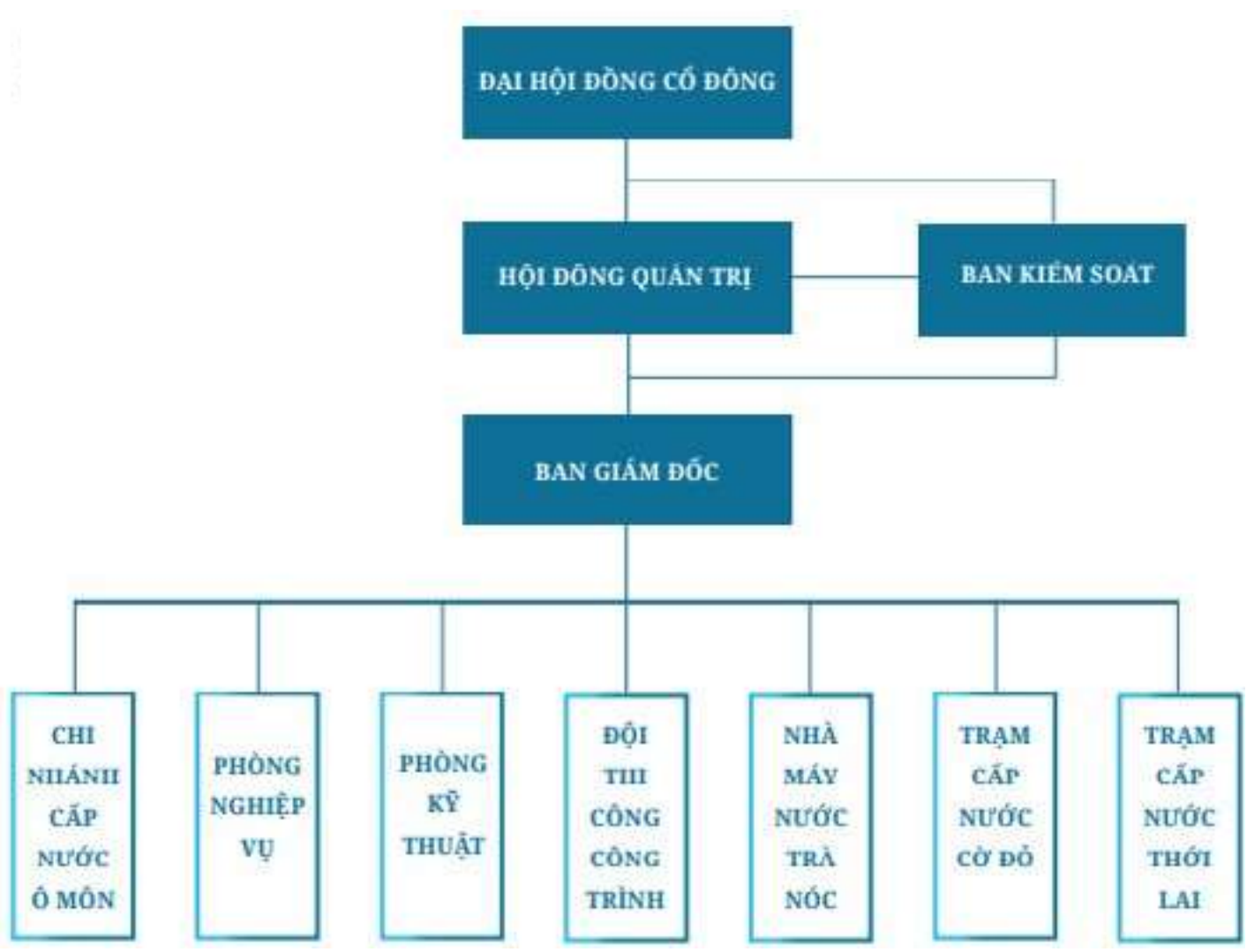
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát

Là công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc

Cơ cấu bộ máy quản lý



Công ty con, công ty liên kết: Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu

- Dựa trên tình hình phát triển chung của ngành nước, Công ty đặt ra mục tiêu kế hoạch mới nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội Đồng cổ đông đề ra và đảm bảo lợi nhuận mục tiêu cho năm 2023. Để đạt được những chỉ tiêu đã đề ra, Công ty luôn chăm sóc và duy trì khách hàng cũ, tìm kiếm, mở rộng khách hàng mới, đưa sản phẩm đến gần hơn với khách hàng tiềm năng. Theo đó, Công ty luôn không ngừng tập trung mọi nguồn lực để nâng cao năng lực phát triển mạng lưới cấp nước, giữ vững sự ổn định trong sản xuất, đảm bảo chất lượng theo đúng quy chuẩn của Bộ Y tế.
- Không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững và tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông, nâng cao giá trị thương hiệu Công ty... Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, kỹ thuật cao để Công ty ngày càng phát triển,
- Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đẩy mạnh hạn chế tình trạng thất thoát nước theo yêu cầu của Chính phủ đặt ra hàng năm. Định kỳ, Công ty tiến hành rà soát và kiểm tra các đường dẫn ống nước để có những biện pháp kịp thời xử lý khi sự cố xảy ra.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (Tiếp theo)

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Theo xu hướng đô thị hóa nhanh, công nghệ kỹ thuật tiên bộ hơn khiến cho nhu cầu khách hàng ngày càng cao. Điều đó đòi hỏi Công ty phải không ngừng thay đổi, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ để từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng phục vụ, đem lại sự hài lòng cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm của công ty.

- **Về hoạt động sản xuất kinh doanh**

Công ty luôn đặt tiêu chí chăm sóc khách hàng lên hàng đầu, niềm tin của khách hàng là yếu tố chủ chốt giúp Công ty đứng vững trên thị trường. Để đáp ứng được điều đó, Công ty luôn bám sát theo nhu cầu của khách hàng, không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm bằng các trang thiết bị hiện đại có tính năng ưu việt. Bên cạnh đó, Công ty thấu hiểu được nhu cầu thanh toán của khách hàng ở thời đại 4.0 như hiện nay, theo đó ứng dụng những công nghệ mới để giải quyết nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt, mang đến cho khách hàng sự nhanh chóng và tiện lợi. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên kiểm tra, vệ sinh và tu bổ sửa chữa hệ thống các thiết bị, máy móc nhằm đảm bảo chất lượng và khối lượng nước đủ tiêu chuẩn đáp ứng cho nhu cầu sử dụng của khách hàng, tạo niềm tin để khách hàng gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn nỗ lực trong việc phối hợp với các đơn vị quản lý trên địa bàn để thực hiện công tác xả tuyến định kỳ nhằm cung cấp chất lượng tốt nhất cho khách hàng.

- **Về lao động**

Công ty luôn tích cực tuyển dụng, tìm kiếm nhân viên có năng lực, chất lượng chuyên môn tốt, kỹ sư chuyên ngành nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty, từng bước xây dựng phát triển Công ty và hướng đến việc xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi. Ngoài ra, Công ty luôn tạo điều kiện để cải thiện đời sống, môi trường làm việc và thu nhập cho người lao động. Người lao động của Công ty sẽ được tham gia vào các khóa huấn luyện để nâng cao kỹ năng chuyên môn cũng như là kỹ năng phát triển bản thân và tham gia đánh giá hiệu quả lao động nhằm cải thiện chất lượng lao động, cũng như có chế độ đào tạo phù hợp. Bên cạnh các khoản lương, thưởng, Công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn. Người lao động được trang bị đồ bảo hộ lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Những dịp lễ đặc biệt như Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, ngày lễ 1/6, ... Công ty sẽ gửi tặng quà cho con của Cán bộ người lao động và tổ chức các chuyến tham quan du lịch. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty không chỉ tạo điều kiện tốt để người lao động có việc làm mà còn chăm lo về tinh thần của người lao động.



Các mục tiêu phát triển bền vững

Với mục tiêu hoạt động là phát triển bền vững, Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. TRANOC-OMONWACO luôn ý thức được vai trò và nghĩa vụ của Công ty. Sau đây là các mục tiêu cụ thể của Công ty đối với môi trường và xã hội:

- Để có thể xây dựng niềm tin và duy trì sự gắn bó lâu dài của khách hàng, Công ty đã thực hiện báo cáo giám sát môi trường định kỳ. Đối với TOW, việc duy trì bảo vệ và tái tạo môi trường luôn là ưu tiên hàng đầu. Theo đó, Công ty lấy công tác phòng chống ô nhiễm môi trường làm phương châm hành động. Nhằm đạt được hiệu quả lao động tốt nhất, Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường lao động an toàn và hiệu quả, quan tâm đến những nguyện vọng, ý kiến đóng góp của người lao động. Người lao động luôn được chăm sóc sức khỏe định kỳ, tham gia các buổi giao lưu văn nghệ, thể thao, nhằm kết nối và nâng cao tinh thần của đội ngũ cán bộ lao động. Trong quá trình hoạt động, Công ty tích cực tham gia vào đóng góp cho xã hội và cộng đồng. Tại địa phương, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ khắc phục thiên tai lũ lụt, bệnh dịch cây trồng... Đồng thời, Công ty cũng lắp đặt đồng hồ nước miễn phí cho hộ nghèo, giảm 50% chi phí đầu nối cho hộ cận nghèo và các gia đình trong chính sách khó khăn. Đội ngũ lao động của Công ty luôn được tuyên truyền về ý thức cống hiến cho xã hội như: đóng góp quỹ tấm lòng vàng, hiến máu nhân đạo ... nhằm góp phần xây dựng cộng đồng ngày càng phát triển và tốt đẹp hơn. Công ty luôn phối hợp tốt với Phòng an ninh kinh tế - Công an TP. Cần Thơ để giữ gìn an ninh trật tự xã hội, xây dựng Công ty “Không tội phạm, không ma túy, không mại dâm”, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập thể Công ty cam kết chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật nhà nước.

CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022, trên cơ sở các Nghị quyết, Chương trình của Chính phủ, thành phố Cần Thơ đã triển khai nhiều giải pháp tích cực để vừa kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh, vừa phục hồi và phát triển kinh tế, cùng với sự nỗ lực vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp, người dân. Nhiều ngành kinh tế đã khôi phục mạnh mẽ và đạt mức tăng trưởng cao hơn trước khi dịch Covid-19. Cụ thể, theo Tổng Cục thống kê tính toán, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2022 tăng 8,02% so với năm 2021, trong đó, riêng thành phố Cần Thơ đóng góp khoảng 1,14% GDP cả nước. Theo báo cáo của Cục Thống kê thành phố Cần Thơ cho biết, tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố Cần Thơ (GRDP) năm 2022 tăng 12,64% so với năm 2021. Điều này cho thấy sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Thành ủy, Ủy ban nhân dân và sự nỗ lực của các cấp, các ngành, người dân và cộng đồng doanh nghiệp đạt được nhiều kết quả tích cực trong kiểm soát tình hình dịch Covid-19, khôi phục các hoạt động kinh tế xã hội.

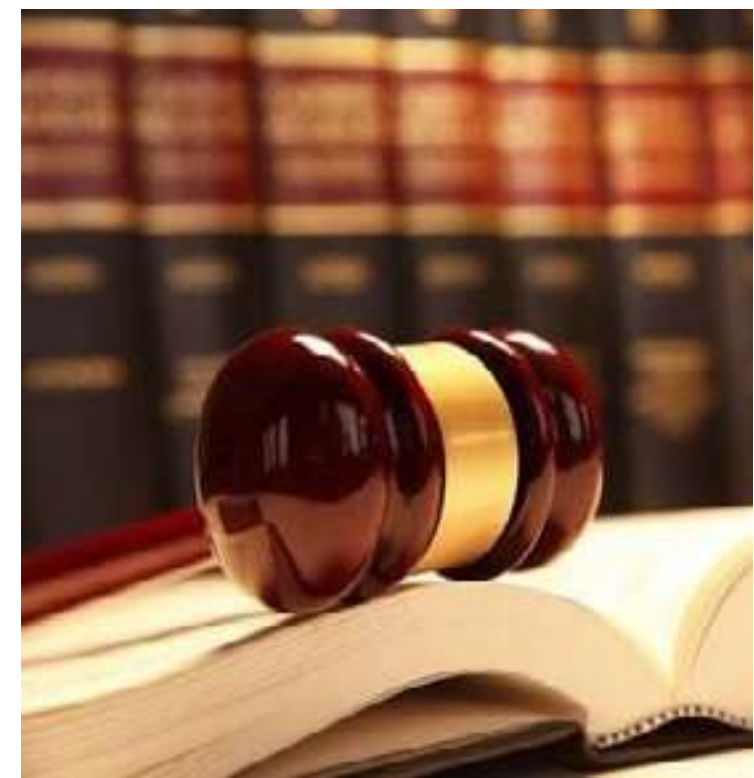


Rủi ro lãi suất

Công ty thực hiện những khoản vay và đầu tư tài chính tại ngân hàng nên biến động lãi suất là yếu tố Công ty luôn quan tâm. Khi lãi suất biến động có thể ảnh hưởng đến các khoản tiền trả lãi vay, gây ảnh hưởng đến nguồn tài chính của Công ty. Do đó, Công ty luôn theo dõi và quan sát biến động lãi suất trên thị trường, từ đó có những giải pháp nhằm duy trì mức lãi suất phù hợp cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của Công ty.

Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự tác động của các bộ luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản pháp lý liên quan. Ngoài ra, với đặc thù của Công ty hoạt động trong ngành cấp nước, những thay đổi về Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động trong công tác nghiên cứu, cập nhật nhanh chóng các quy định pháp lý, những thay đổi về các bộ luật để vận dụng phù hợp, hạn chế những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Ngày 01/01/2022, Luật Bảo vệ Môi trường 2020 sẽ chính thức có hiệu lực. Công ty phải tìm hiểu và nắm rõ để đảm bảo các hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định của pháp luật.



CÁC RỦI RO (Tiếp theo)

RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro thất thoát nước

Tại Việt Nam, tỷ lệ thất thoát nước sạch vẫn khá cao. Trong năm 2021, bình quân 18,7%, cao hơn nhiều so với các nước tiên tiến và kể cả một số nước khác trong khu vực. Tuy nhiên, đến năm 2022, tỷ lệ thất thoát nước sạch giảm còn 17,5%. Thất thoát nước tại các đơn vị cấp nước thường do kỹ thuật như rò rỉ trên mạng lưới tuyến ống cấp nước, thi công không đúng kỹ thuật, vỡ ống do đào đường, sử dụng nước bất hợp pháp... Thực tế, tỷ lệ thất thoát nước phần lớn là do rò rỉ trên đường ống vì đường ống cấp nước đi ngầm dưới nền đất nên công tác tìm kiếm rò rỉ rất khó khăn. Nhận thức được vấn đề này, Công ty luôn tìm nhiều giải pháp để hạn chế những rủi ro có thể xảy ra bằng cách nâng cao chuyên môn đội ngũ nhân viên kỹ thuật, định kỳ kiểm tra chất lượng hệ thống ống nước... Đồng thời, Công ty cũng chú trọng đến việc áp dụng nhiều giải pháp quản lý nước thông minh ứng dụng máy đọc chỉ số thông minh, công nghệ giám sát online (đồng hồ nước và các DMI)...

Rủi ro về chất lượng nguồn nước

Ngành cung cấp nước chịu ảnh hưởng lớn từ môi trường tự nhiên. Những vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay lại là bài toán khó cho xã hội. Tình trạng ô nhiễm kéo dài có thể gây ảnh hưởng lên nguồn nước và đời sống của con người, cũng gián tiếp có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty không ngừng nâng cao và luôn kiểm soát chặt chẽ chất lượng của nguồn nước cung cấp cho khách hàng.

Rủi ro về giá

Ngành cung cấp nước đặc thù là ngành dịch vụ công ích, chịu sự kiểm soát giá nước đầu ra của Nhà nước. Do đó giá bán nước sạch do UBND thành phố Cần Thơ ban hành dựa theo các quy định về tính giá, Công ty không thể chủ động điều chỉnh do vậy một khi có sự biến động lớn các yếu tố sản xuất đầu vào như giá điện, vật tư, nguyên vật liệu, nhân công... sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của Công ty. Vì vậy, Công ty cần kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ thất thoát nước, chi phí nguyên vật liệu sản xuất, chi phí quản lý, chi phí đầu tư và chi phí vận hành hệ thống mạng lưới ống phân phối để hạn chế rủi ro về giá cũng như nguy cơ tăng chi phí.

Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro đã được liệt kê, thì biến động về tình hình chính trị, xã hội, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh cũng có thể gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, đối với những rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra, Công ty luôn chuẩn bị những kế hoạch đề phòng và những giải pháp để ứng phó kịp thời, đảm bảo hạn chế mức thiệt hại tối đa cũng như bảo vệ được con người, tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn... Thực hiện mua các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.





02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	23
Tổ chức nhân sự	25
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	33
Tình hình tài chính	33
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	37
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	39

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/2021
1	Sản lượng (m3)	8.626.290	9.167.841	106,27
2	Doanh thu thuần	64.315	69.133	107,49
3	Giá vốn hàng bán	33.281	35.869	107,78
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.543	22.306	103,54
5	Lợi nhuận sau thuế	18.815	15.459	82,16

Ghi chú:

- Từ năm 2020 trở về trước: Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty là 20%.
- Năm 2021: Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa với mức thuế suất 10%.
- Năm 2022: Công ty thực hiện điều chỉnh bổ sung tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo mức thuế suất thuế TNDN cho năm 2021 là 20%

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty áp dụng cho năm 2022 là 20%.

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		% Năm 2022/2021
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu sản xuất nước	62.222	96,75	66.698	96,48	107,19
2	Doanh thu lắp đặt, công trình	2.093	3,25	2.435	3,52	116,34
Tổng cộng		64.315	100	69.133	100	107,49

Năm 2022, mặc dù tình hình kinh tế còn phức tạp, nhưng nhờ sự cố gắng từ các cấp lãnh đạo đến người lao động, nên kết quả kinh doanh đạt được khá khả quan. Cụ thể, khoản doanh thu thuần năm 2022 đạt 69.133 triệu đồng, tương đương 107,49% so với thực hiện năm trước. Trong đó, nguồn doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất nước, chiếm 96,48% doanh thu thuần. Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán tăng 2.588 triệu đồng, tương ứng tăng 7,78% so với năm 2021. Theo đó, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 763 triệu đồng, tương ứng tăng 3,54% so với năm trước và lợi nhuận sau thuế giảm 3.356 triệu đồng, tương ứng giảm 17,84% so với năm trước do Công ty điều chỉnh thuế suất thuế TNDN từ 10% lên 20% cho hai năm 2021 và 2022. Với số tiền 4.293 triệu đồng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT, Giám đốc	84.761	1,06%
2	Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	13.737	0,17%
3	Thái Minh Lực	Phó Giám đốc	11.766	0,15%
4	Lê Thị Thanh Phượng	Kế toán trưởng	37.307	0,47%

Lý lịch Ban điều hành

Ông Huỳnh Minh Trung - Thành viên HĐQT, Giám Đốc

Ngày sinh: 21/01/1976
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 24A Ngô Hữu Hạnh, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học môi trường
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
2000 - 2003	Nhân viên kiểm tra - Công ty Công trình đô thị Cần Thơ
08/2003 - 12/2011	Nhân viên - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
12/2011 - 01/03/2012	Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Trà Nóc
02/03/2012 - 07/2017	Quyền Giám đốc và Giám đốc - CTCP Cấp nước Trà Nóc
04/2012 - 07/2017	Thành viên HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc
08/2017 - nay	Thành viên HĐQT, Giám đốc - CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 84.761 cổ phiếu, chiếm 1,06% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông Trịnh Công Đoàn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc

Ngày sinh: 16/8/1982
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Ấp Đông Mỹ, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý môi trường
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
11/2004 - 05/2013	Kỹ thuật viên - Phòng Kỹ thuật - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
06/2013 - 12/2013	Kỹ thuật viên - Phòng Điều độ và chống thất thoát thu nước - CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ
12/2013 - 07/2017	Thành viên HĐQT, Giám đốc - CTCP Cấp nước Ô Môn.
08/2017 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 13.737 cổ phiếu, chiếm 0,17% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (Tiếp theo)

Ông Thái Minh Lược - Phó Giám đốc

Ngày sinh: 12/12/1970
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 137/29 Lê Thị Hồng Gấm, KV II, phường Trà An, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
02/10/1993 – 12/2004	Công nhân TBSC - Nhà máy nước Cần Thơ 1.
12/2004 - 2006	Tổ trưởng TBSC - Xí nghiệp Cấp thoát nước Trà Nóc.
2006 - 2009	Trưởng bộ phận sản xuất - CTCP Cấp thoát nước Trà Nóc.
2009 - 2010	Trưởng phòng sản xuất - CTCP Cấp thoát nước Trà Nóc.
2010 - 07/2017	Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Trà Nóc.
08/2017 - nay	Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 11.766 cổ phiếu, chiếm 0,15% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Bà Lê Thị Thanh Phượng - Kế toán trưởng

Ngày sinh: 25/7/1978
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 10/14 Nguyễn Truyền Thanh, KV5, phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
01/2002 – 03/2003	Nhân viên - Siêu thị Điện máy Chợ Lớn.
04/2003 – 02/2005	Nhân viên - Xí nghiệp Cấp thoát nước Trà Nóc thuộc Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ.
03/2005 – 12/2005	Nhân viên - Xí nghiệp Xây dựng Cấp thoát nước Cần Thơ thuộc Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ.
01/2006 – 12/2006	Nhân viên Xí nghiệp Cấp thoát nước Trà Nóc thuộc Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ.
01/01/2007 – 31/07/2017	Kế toán trưởng - CTCP Cấp nước Trà Nóc.
01/08/2017 - nay	Kế toán trưởng - CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 37.307 cổ phiếu, chiếm 0,47% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

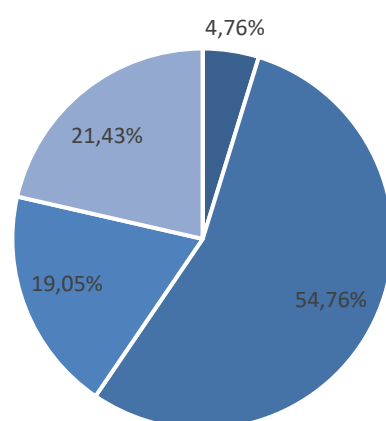
Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (Tiếp theo)

Số lượng cán bộ, nhân viên

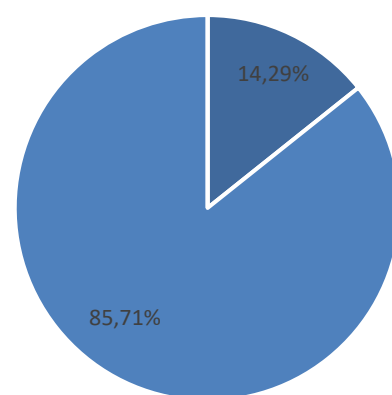
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	84	100
1	Trên đại học	4	4,76
2	Đại học và Cao đẳng	46	54,76
3	Trung cấp	16	19,05
4	Công nhân kỹ thuật	18	21,43
5	Lao động phổ thông	0	0
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	84	100
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (từ 1-3 năm)	12	14,29
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	72	85,71
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0
C	Theo giới tính	84	100
1	Nam	70	83,33
2	Nữ	14	16,67

THEO TRÌNH ĐỘ



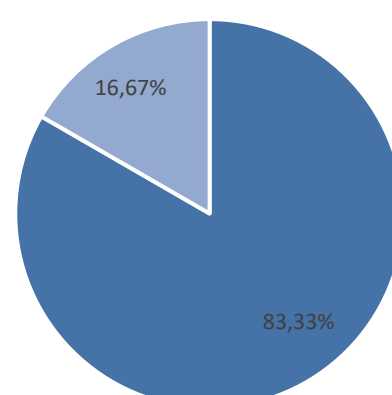
- Trên đại học
- Đại học và Cao đẳng
- Trung Cấp
- Công nhân kỹ thuật

THEO TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG



- Hợp đồng có xác định thời hạn (từ 1-3 năm)
- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng theo thời vụ

THEO GIỚI TÍNH

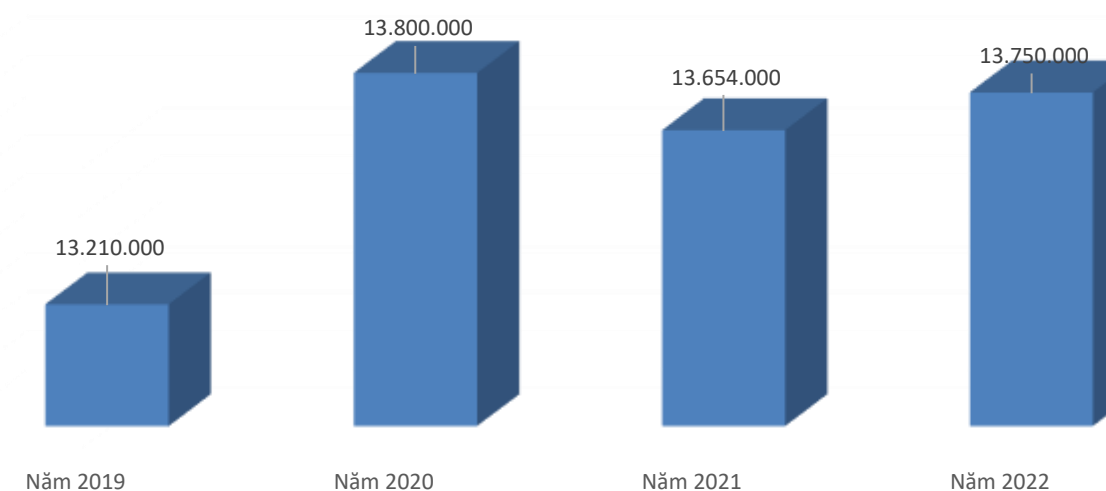


- Nam
- Nữ

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	80	82	83	84
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	13.210.000	13.800.000	13.654.000	13.750.000

THU NHẬP BÌNH QUÂN GIAI ĐOẠN 2019 - 2022



- Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Công trình xây dựng

Nhà máy nước Cờ Đỏ: Ngày 29/6/2022 phát nước chính thức.

Nhà máy nước Trà Nóc mở rộng thêm 10.000 m³/ngày đêm: hoàn thành thẩm tra, đấu thầu bể chứa và triển khai các bước tiếp theo.

Công trình mở mạng và cải tạo hệ thống cấp nước:

- Đã quyết toán hình thành tài sản: 18 công trình (giá trị 13.259,35 triệu đồng)
- Triển khai các công trình nhỏ: mở mạng và cải tạo hệ thống cấp nước phục vụ nhu cầu sử dụng nước theo kiến nghị của người dân, địa phương, tổng cộng có 6 công trình ống D114 PVC, D63 HDPE (tổng giá trị 166,14 triệu đồng).

Tiến độ thực hiện xây dựng cơ bản:

STT	Loại ống	Kế hoạch (mét)	Thực hiện (mét)	% Thực hiện/Kế hoạch
1	Chuyển tải	10.581	14.377	135,87
2	Phân phối	56.853	46.261	81,37
Tổng cộng		67.434	60.638	89,92

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/2021
1	Tổng giá trị tài sản	177.727	184.359	103,73
2	Doanh thu thuần	64.315	69.133	107,49
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.543	22.306	103,54
4	Lợi nhuận khác	(525)	(201)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	21.018	22.105	105,17
6	Lợi nhuận sau thuế	18.815	15.459	82,16

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

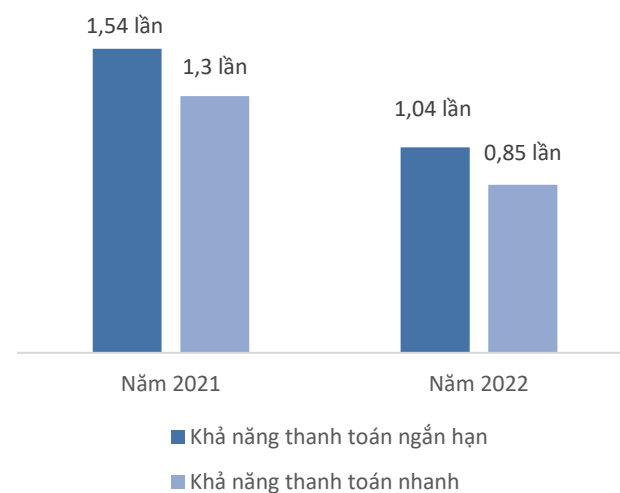
Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,54	1,04
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,30	0,85
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	13,80	14,44
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	16,01	16,87
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,63	8,87
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,39	0,38
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	29,25	22,36
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,97	9,94
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,39	8,54
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	33,50	32,27

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

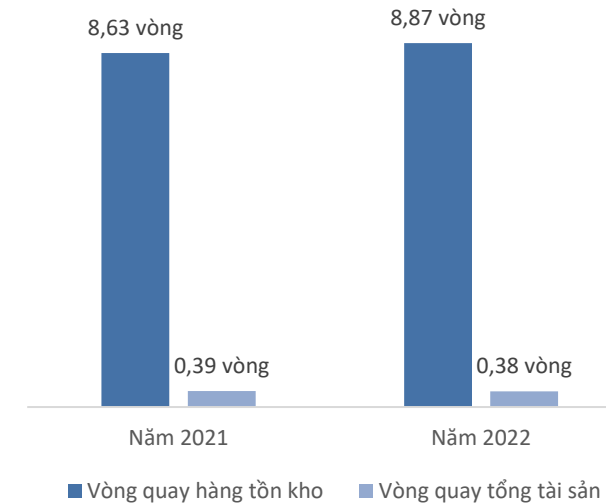
Khả năng thanh toán

Năm 2022, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 đạt 1,04 giảm 0,5 lần so với năm 2021. Hệ số thanh toán nhanh năm 2022 đạt 0,85 lần, thấp hơn so với mức 0,45 lần năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu khiến các hệ số khả năng thanh toán giảm là do nợ ngắn hạn của Công ty tính đến thời điểm cuối năm 2022 tăng 4,13 tỷ đồng, tương đương giảm 20,14% so với năm 2021 và tài sản dài hạn tăng cao, đạt mức 162.986 triệu đồng, tương đương 6,83% so với giá trị năm 2021. Do trong năm Công ty đã tiến hành thi công xây dựng Nhà máy nước Cờ Đỏ và mở rộng mạng lưới cấp nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng duy trì gửi tiền gửi ngân hàng nhằm tăng hiệu quả sử dụng tài chính. Nhìn chung, năm 2022, Công ty đã thực hiện tốt, duy trì khả năng thanh toán của mình.

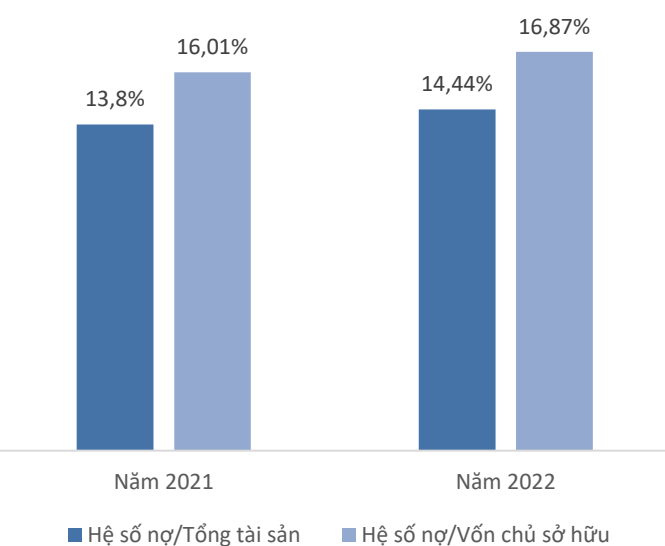


Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản đều biến động nhẹ trong năm 2022. Cụ thể, số vòng quay hàng tồn kho đạt mức 8,87 vòng năm 2022, tăng so với mức 8,63 vòng trong năm 2021. Nguyên nhân do giá vốn hàng bán và hàng tồn kho bình quân năm 2022 đồng loạt tăng nhẹ so với 2021, trong đó giá vốn hàng bán chỉ tăng 7,78% và hàng tồn kho bình quân tăng 3,4%. Điều này cho thấy, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 tiếp tục đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản năm 2022 đạt 0,38 vòng, giảm nhẹ so với 0,39 vòng năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu do tổng tài sản tăng 6.634 triệu đồng, tương ứng tăng 3,73% so với năm 2021, do Công ty đầu tư thêm vào tài sản cố định. Qua đó, có thể thấy Công ty rất chú trọng tăng cường đầu tư để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.



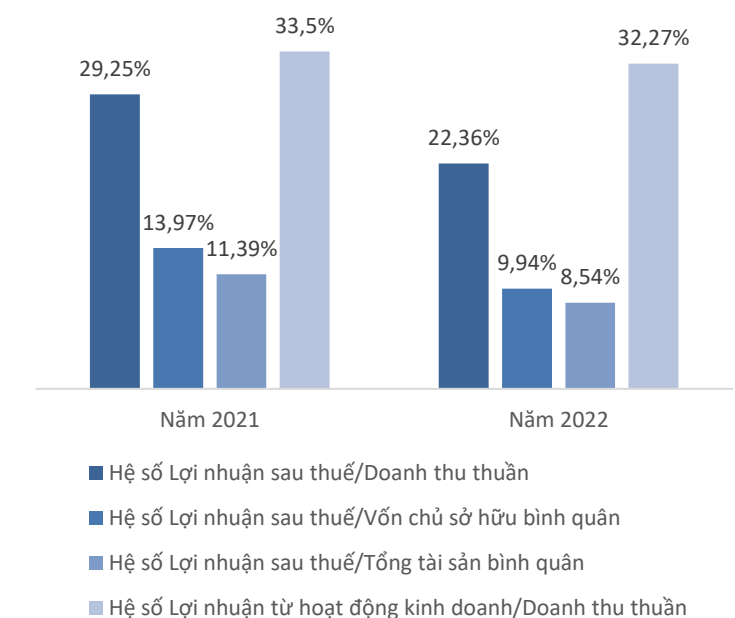
Cơ cấu vốn



Năm 2022, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty tăng. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 14,44%, và tăng 16,87% so với mức 13,80% và 16,01% năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu là do nợ ngắn hạn tăng nhiều so với năm 2021. Ngoài ra, đây là năm Công ty đầu tư Nhà máy nước Cờ Đỏ với công suất 5.000 m³/ngày đêm, đã phát nước chính thức từ ngày 29/6/2022. Các hệ số này đều nằm ở mức hợp lý, cho thấy Công ty vẫn đảm bảo cơ cấu vốn ổn định, ưu tiên sử dụng nguồn vốn huy động để phục vụ đầu tư dự án. Tuy nhiên, Công ty tận dụng được tối ưu lợi ích mà đòn bẩy tài chính mang lại.

Khả năng sinh lời

Năm 2022, các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty thay đổi tương đối nhiều so với năm 2021. Cụ thể, ROS đạt mức 22,36% và ROE, ROA lần lượt đạt 9,94% và 8,54%. Lợi nhuận sau thuế đạt 15.459 triệu đồng, giảm 3.356 triệu đồng, tương đương giảm 17,84% so với năm 2021 do Công ty điều chỉnh thuế suất thuế TNDN từ 10% lên 20% cho hai năm 2021 và 2022. Nhìn chung, Công ty vẫn đảm bảo được khả năng sinh lời hợp lý.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

7.978.150 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

7.978.051 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ

99 cổ phiếu



Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông (Tại ngày 31/5/2022)

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	188	7.175.051	71.750.510.000	89,94%
1	Cá nhân	186	1.955.527	19.555.270.000	24,51%
2	Tổ chức	2	5.219.524	52.195.240.000	65,42%
III	Cổ đông nước ngoài	6	803.000	8.030.000.000	10,06%
1	Cá nhân	5	127.000	1.270.000.000	1,59%
2	Tổ chức	1	676.000	6.760.000.000	8,47%
Tổng cộng (I+II+III)		194	7.978.051	79.780.510.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

Danh sách cổ đông lớn (Tại ngày 31/05/2022)

STT	Tên	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	5.219.524	65,42%
2	AMERICA LLC	676.000	8,47%
3	Hồ Thị Quý Mão	406.258	5,09%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng như sau:

- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành: 2.659.350 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu được phân phối: 2.659.350 cổ phần, đạt 100%
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 26.593.500.000 đồng
- Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 26.593.500.000 đồng
- Ngày kết thúc chào bán: 30/3/2021
- Báo cáo tiến độ sử dụng vốn tính đến thời điểm ngày 30/9/2022 Công ty đã dung số tiền để thực hiện:

- Phân bổ cho dự án Nhà máy nước Cờ Đỏ: 15.956.100.000 đồng. Công ty đã giải ngân chuyển tiền cho tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra, nhà thầu thi công, giám sát thi công, mua bảo hiểm công trình...: 13.649.206.138 đồng. Số tiền còn lại tại thời điểm báo cáo chưa sử dụng: 2.306.893.862 đồng.

- Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2021: 10.637.400.000 đồng. Công ty đã giải ngân chi trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty: 10.234.622.798 đồng. Số tiền thu được từ đợt chào bán còn lại tại thời điểm báo cáo chưa sử dụng: 402.777.202 đồng.

Các chứng khoán khác: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Đối với nguồn nguyên liệu quan trọng phục vụ cho quy trình sản xuất nước sạch, Công ty luôn chú trọng trong việc quản lý sao cho hiệu quả. Công ty thường lựa chọn những nguồn nguyên liệu có chất lượng cao, uy tín, đồng thời không gây hại đến môi trường, có thể tái chế và tái sử dụng được. Nguyên liệu đầu vào luôn được Công ty sử dụng đúng mục đích, liều lượng, không lạm dụng hóa chất gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, Công ty cũng đặt ra những quy định về công tác bảo quản hóa chất, yêu cầu người lao động phải tuân thủ. Để công tác quản lý nguyên vật liệu diễn ra chặt chẽ, Công ty thường xuyên kiểm tra lại từ khâu lên kế hoạch mua, quản trị lưu kho cho đến việc phân phối tới các bộ phận sử dụng. Nhờ quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào hiệu quả mà hoạt động sản xuất của Công ty luôn đảm bảo được thực hiện liên tục, theo đúng kế hoạch.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là doanh nghiệp cung cấp nước sạch cho người tiêu dùng, Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn rất chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường. Đó không chỉ là vấn đề được quan tâm mà Công ty xem như trách nhiệm đi đôi với việc sản xuất kinh doanh. Bên cạnh công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước thì Công ty không ngừng cải tiến để hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường tại khu vực sản xuất cũng như các khu vực lân cận. Trong thời gian hoạt động vừa qua, nhờ vào việc chú trọng và tuân thủ theo đúng Luật Môi trường mà Công ty đã đảm bảo được chất lượng nước đạt tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng mà không làm ảnh hưởng đến môi trường cũng như đời sống của người dân.

Tiêu thụ năng lượng

Điện là năng lượng tiêu thụ chủ yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn sử dụng điện một cách hợp lý, phần nào sử dụng tài nguyên quốc gia có hiệu quả đồng thời tiết kiệm được chi phí hoạt động của Công ty.

Công ty đã đưa vào vận hành hệ thống điện mặt trời 160 kWh. Sản lượng cả năm đạt 209.158 kWh tương đương tiết kiệm được 415.455.122 đồng.

Tiêu thụ nước

Nhận thức được tầm quan trọng của nước – sản phẩm chính trong việc tạo nên doanh thu, Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn luôn khuyến khích toàn thể nhân viên, người lao động có ý thức tiết kiệm nước, sử dụng hợp lý nguồn nước nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên nước cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ cũng như các chính sách dành cho người lao động theo đúng quy định của Luật Lao động. Đội ngũ lao động của Công ty luôn được tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm giúp người lao động có thể yên tâm để làm việc. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ và cấp cho người lao động vật dụng bảo hộ nhằm bảo vệ người lao động an toàn trong quá trình lao động. Vào những dịp lễ đặc biệt, Công ty sẽ trích từ nguồn quỹ phúc lợi, thưởng năng suất để tặng quà cho con cán bộ hay tổ chức các cuộc tham quan du lịch. Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn không chỉ quan tâm đến đời sống, sức khỏe mà còn chăm sóc về mặt tinh thần cho đội ngũ lao động. Từ đó tạo sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và Công ty.

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài trách nhiệm đối với nhà đầu tư, người lao động và môi trường thì đóng góp cho cộng đồng, xã hội cũng là sứ mệnh mà Công ty luôn ưu tiên thực hiện. Hằng năm, Công ty sẽ tổ chức công tác xã hội đóng góp cho cộng đồng. Bên cạnh đó, toàn thể cán bộ nhân viên được Công ty vận động tham gia các hoạt động thiện nguyện, từ đó giúp nâng cao ý thức của mỗi cá nhân trong việc cống hiến cho cộng đồng góp phần đẩy mạnh sự phát triển chung của xã hội.



03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

<u>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</u>	<u>43</u>
<u>Tình hình tài chính</u>	<u>45</u>
<u>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</u>	<u>47</u>
<u>Kế hoạch phát triển trong tương lai</u>	<u>49</u>

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi

- » Được sự chỉ đạo kịp thời của Chủ tịch Hội đồng quản trị; kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp của Ban Lãnh đạo Công ty ngay từ đầu năm; sự quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện của chính quyền địa phương cùng sự nỗ lực của tập thể người lao động đã góp phần cùng Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nội bộ đoàn kết tốt. Phong trào thi đua lao động sản xuất tại Công ty luôn được duy trì và phát huy; các đoàn thể triển khai và thực hiện tốt phong trào thi đua tại các đơn vị...
- » Ban Thi đua khen thưởng thành phố quan tâm chỉ đạo kịp thời công tác thi đua khen thưởng của Khối và của Công ty.
- » Nhu cầu sử dụng nước sạch của các doanh nghiệp và hộ khách hàng tiếp tục ổn định; Công ty đã kết hợp cùng với chính quyền địa phương vận động nhân dân cùng thực hiện mở mạng lưới cấp nước các hẻm nhỏ chưa có nước sạch; nâng cấp, cải tạo mạng lưới.
- » Với lợi thế là doanh nghiệp thực hiện cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cần Thơ, đặc biệt tại Khu Công nghiệp Trà Nóc I và Trà Nóc II, hai khu công nghiệp được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước đi kèm với những chính sách ưu đãi thời gian trước đây, Công ty thuận lợi thu hút được nhiều dự án đầu tư.

Khó khăn

Trong năm 2022 Nhiều ngành kinh tế đã khôi phục mạnh mẽ và đạt mức tăng trưởng cao hơn trước khi dịch Covid-19. Tuy nhiên vẫn còn một số nhà máy, xí nghiệp, Công ty... trên địa bàn của Công ty ảnh hưởng kinh tế thế giới, do đó ít nhiều ảnh hưởng đến sản lượng nước của Công ty.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

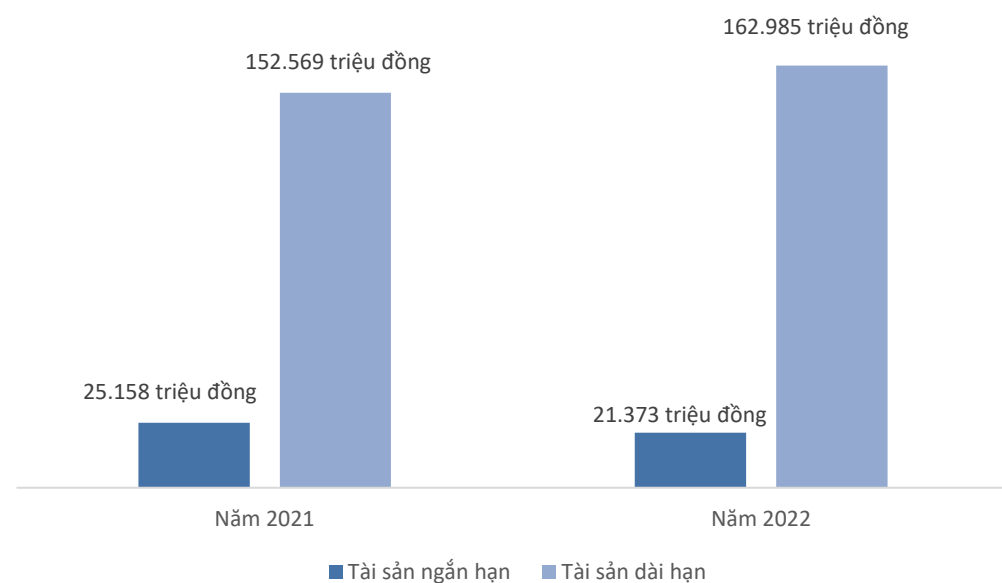
Năm vừa qua, Ban điều hành của Công ty đã đơn giản hóa các quy trình thủ tục hành chính giúp rút ngắn thời gian thực hiện cho cả khách hàng và nhân viên Công ty và nâng cao trải nghiệm của khách hàng khi sử dụng sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã ứng dụng thành công hệ thống thông tin điện tử vào quá trình thu tiền, xuất hóa đơn cho khách hàng giúp đơn giản hóa việc thanh toán tiền nước, mở rộng nhiều kênh thu hộ tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng thanh toán tiền nước. Áp dụng khoa học công nghệ, gắn đồng hồ thông minh theo dõi áp lực và lưu lượng trên mạng lưới. Ngoài ra, Công ty bố trí đội ngũ nhân viên trực tổng đài nhằm hỗ trợ nhanh chóng và kịp thời khi khách hàng gặp khó khăn trong công tác hành chính, cũng như kịp thời hỗ trợ khách hàng khi hệ thống đường ống cấp nước gặp sự cố.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	25.158	21.373	84,96	14,16	11,59
Tài sản dài hạn	152.569	162.985	106,83	85,84	88,41
Tổng tài sản	177.727	184.358	103,73	100	100

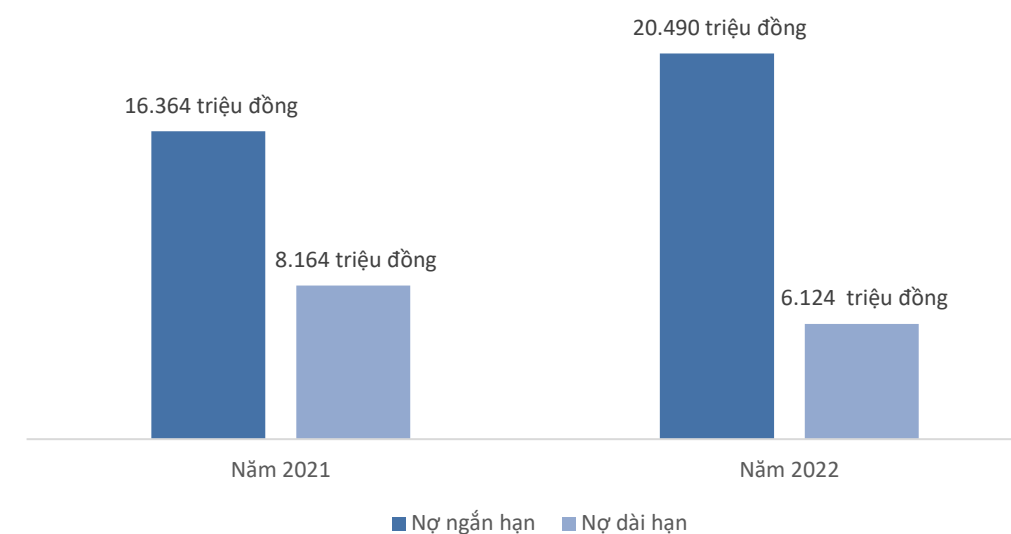


Tính đến thời điểm 31/12/2022, tổng tài sản của Công ty đạt 184.358 triệu đồng, tăng nhẹ 6.631 triệu đồng, tương ứng tăng 3,73% so với năm 2021. Công ty vẫn duy trì ổn định về mặt cơ cấu tài sản, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu 88,41% tổng tài sản. Tại thời điểm cuối năm 2022, tài sản dài hạn tăng và tài sản ngắn hạn giảm nhẹ, lần lượt ghi nhận ở mức 162.985 triệu đồng và 21.373 triệu đồng, tương ứng tăng 6,83% và giảm 15,04% so với năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu do khoản đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành tăng thêm 29.023 triệu đồng chủ yếu là tài sản dài hạn đầu tư xây dựng mở rộng mạng lưới cấp nước và xây dựng Nhà máy nước Cờ Đỏ với công suất 5.000m³ /ngđ.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	16.364	20.490	125,21	66,72	76,99
Nợ dài hạn	8.164	6.124	75,01	33,28	23,01
Tổng nợ phải trả	24.528	26.614	108,50	100	100



Nợ phải trả của Công ty tính đến thời điểm cuối năm 2022 đạt 26.614 triệu đồng, tăng 8,50% so với năm 2021. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 25,21% và nợ dài hạn giảm 24,99% so với năm 2021, đạt 20.490 triệu đồng và 6.124 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty điều chỉnh thuế suất thuế TNDN từ 10% lên 20% cho hai năm 2021 và 2022 với tổng số tiền 4.293 triệu đồng.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



- Trong năm 2022, Công ty đã ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong đó có việc áp dụng hình thức thanh toán trực tuyến cho hóa đơn tiền nước hàng tháng. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng, người dân quen dần với việc thanh toán qua các kênh thu hộ. Áp dụng ghi thu một lần, đảm bảo tỷ lệ thu và tồn thu theo qui định; kê nộp tiền và đảm bảo tồn quỹ luôn đúng theo qui định chung của Công ty. Hội đồng Khoa học kỹ thuật Công ty phát động hiệu quả phong trào thi đua cải tiến, sáng kiến trong sản xuất kinh doanh. Hội đồng Khoa học kỹ thuật đã lập Thông báo số: 06/TB-TNOM ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo và đăng ký sáng kiến cải tiến năm 2022 phát động đến toàn thể các tập thể và cá nhân thuộc Công ty. Đồng thời, lập Thông báo số 02/TB-HĐKHKT ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc nộp báo cáo đề tài sáng kiến, cải tiến kỹ thuật năm 2022. Kết quả, trong năm Hội đồng Khoa học kỹ thuật Công ty nhất trí công nhận 08 sáng kiến về giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp kỹ thuật và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công tác sản xuất, chuyên môn nghiệp vụ, tổng giá trị làm lợi: 1.660 triệu đồng. Đồng thời trình Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty công nhận và trích thưởng 79,417 triệu đồng.
- Đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục. Chất lượng nước luôn đạt quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT; Duy trì vận hành theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- Ứng dụng Mapinfo trong quản lý hệ thống cấp nước. Duy trì vận hành hệ thống giám sát chất lượng nước sạch tại các nhà máy và mạng lưới.
- Tiếp tục công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch; dò tìm, phát hiện và khắc phục kịp thời các sự cố ống bể; thực hiện kiểm tra định kỳ 713 hộ khách hàng đã phát hiện 10 vụ vi phạm hợp đồng sử dụng nước, truy thu 1.956 m³ với tổng số tiền thu được là 13.523.352 đồng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
Sản lượng	m ³	9.450.000
Doanh thu thuần	Triệu đồng	71.500
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.500
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.100
Số hộ đấu nối	Hộ	1.680
Tỷ lệ thất thoát nước	%	12
Số lao động bình quân	Người	85

Kế hoạch đầu tư năm 2023

Dự kiến trong năm 2023, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

STT	Công trình	Mét	Giá trị (Triệu đồng)
1	Các tuyến ống		19.944.317.000
2	Chuyển tải	11.641	
3	Phân phối	48.683	
4	Nhà máy nước Trà Nóc		20.000.000.000
Tổng cộng		60.324	39.944.317.000



04 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 53

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc 55

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 56

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2021	KH2022	TH2022	% Năm 2022/2021	
						TH2021	KH2022
1	Sản lượng	m3	8.626.290	9.000.000	9.167.841	106,28	101,86
2	Số hộ đầu nối	Hộ					
-	Phát triển trong năm	Hộ	1.627	1.800	1.999	122,86	111,06
-	Lũy kế cuối năm	Hộ	27.163	28.663	29.132	107,25	101,64
3	Doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	64.699	66.800	69.747	107,80	104,41
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	21.018	21.200	22.105	105,18	104,27
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.815	18.800	15.459	82,16	82,23
6	Tỷ lệ thất thoát	%	12,98	12,50	12,16	-0,82	-0,34

Trong năm, Công ty thường xuyên kiểm tra, vệ sinh, tu bổ sửa chữa máy móc, hệ thống thiết bị, nhằm xử lý kịp thời các sự cố, đảm bảo sản xuất nước liên tục ổn định 24/24, đảm bảo về chất lượng, sản lượng và áp lực nước. Công ty cam kết chất lượng nước luôn đạt quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT, các đơn vị thực hiện công tác xả tuyến định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng nước tốt nhất cho khách hàng, giám sát chất lượng nước online tại các nhà máy, đo đạc môi trường làm việc định kỳ. Đồng thời, Công ty thường xuyên giám sát chất lượng nước bằng hình thức trực tuyến tại nhà máy. Là doanh nghiệp thành lập dựa trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc và Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn, Công ty được tích góp bề dày kinh nghiệm hoạt động từ hai Công ty trước hợp nhất trong lĩnh vực dịch vụ công ích. Đối với Công ty, chất lượng sản phẩm luôn là yếu tố quan trọng quyết định sự gắn bó của khách hàng. Do đó, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sự uy tín đối với khách hàng.



Về xây dựng cơ bản

Đối với các công trình cần thi công, lắp đặt, Công ty luôn giám sát sát sao chất lượng và tiến độ, đảm bảo lắp đặt đúng thời gian quy định. Đồng thời, Công ty lập kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra các tuyến ống, lắp đặt các đồng hồ đo áp theo dõi áp lực trên toàn mạng lưới. Tổng số phân vùng lắp đồng hồ kiểm soát lưu lượng là 66 vùng. Ngoài ra, Công ty kiểm tra đề nghị nâng cấp chụp van bị lắp cát trên toàn mạng lưới. Định kỳ hàng tuần Công ty kiểm tra đồng hồ từ 25 mm trở lên.

Về thi đua khen thưởng

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công ty triển khai thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả phong trào thi đua của Công ty. Đầu năm, để hưởng ứng phong trào thi đua của thành phố, Ban Giám đốc Công ty đã phát động phong trào thi đua đến cán bộ người lao động trong Hội nghị người lao động, toàn thể cán bộ người lao động đã đăng ký các danh hiệu thi đua. Hội đồng Thi đua khen thưởng Công ty ban hành các văn bản, tổng hợp và đăng ký về Ban thi đua khen thưởng thành phố. Công tác thi đua - khen thưởng của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn tiếp tục có sự đổi mới về nội dung, hình thức, phương pháp thực hiện và đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo cơ sở cho việc đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của Công ty trong thời gian tới. Trên cơ sở các kế hoạch đã giao, hàng quý Công ty tổ chức họp sơ kết, xét khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích nổi bật trong thực hiện nhiệm vụ và phong trào. Rút ra những bài học kinh nghiệm và đề xuất những giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Các phong trào thi đua cụ thể của năm như: thi đua năm, đề tài sáng kiến và giải pháp ứng dụng khoa học kỹ thuật...

Về công tác an sinh xã hội

Công ty thực hiện lắp đặt đồng hồ nước miễn phí cho hộ nghèo, giảm giá 50% chi phí đầu nối cho hộ cận nghèo và gia đình chính sách. Trong năm 2022, Công ty đã lắp đặt cho 48 hộ, số tiền 27,32 triệu đồng, ngoài ra có 03 lượt tham gia hiến máu nhân đạo. Toàn thể người lao động đóng góp quỹ tấm lòng vàng với tổng số tiền là 5,04 triệu đồng và 50.000 quyển tập với tổng số tiền là 240 triệu đồng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Công ty thực hiện tốt việc thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid -19 theo quy định. Công tác thay đồng hồ đến hạn trong năm 2022 là 3.693 hộ.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kết thúc năm 2022, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc thực hiện tốt trách nhiệm, vai trò của mình theo đúng quy định pháp luật Điều lệ Công ty, và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Ban Giám đốc không ngừng nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị giao. Bên cạnh đó, căn cứ theo tình hình thực tế, Ban Giám đốc kịp thời đưa ra các phương hướng sản xuất kinh doanh phù hợp, điều hành Công ty phát triển. Ban Giám đốc đã có những tham mưu tốt cho Hội đồng quản trị trong các công tác tổ chức nhân sự, quản trị, công tác đầu tư, quản lý tài chính thông qua những giải pháp điều hành các mặt của hoạt động kinh doanh thường niên, đảm bảo được sự phù hợp và kịp thời.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty.
- » Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, tỷ lệ thất thoát cao.



- » Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân.
- » Quản lý chi phí hoạt động hiệu quả hơn, nhằm tiết kiệm chi phí, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu



05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 59

Ban Kiểm soát 65

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị,
Ban Giám đốc và Ban kiểm soát 71

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu cá nhân	Số lượng CP đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cá nhân	Tỷ lệ đại diện sở hữu
1	Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	-	2.872.254	-	36%
2	Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT, Giám đốc	84.761	-	1,06%	-
3	Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	13.737	-	0,17%	-
4	Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT	-	2.347.270	-	29,42%
5	Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT	187.200	-	2,35%	-
6	Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	8.181	-	0,10%	-



Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hữu Lộc - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 25/12/1964
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 10 Lê Lai, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất, Cử nhân quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
03/1987 – 09/1989	Cán bộ Phòng Xây dựng cơ bản Ủy ban kế hoạch tỉnh Hậu Giang
10/1989 - 09/1992	Trưởng bộ phận kỹ thuật Ban Quản lý trương trình nước UNICEF Hậu Giang
10/1992 - 10/1998	Phó Chủ nhiệm Trung tâm nước sạch & VSMT Nông thôn Cần Thơ
10/1998 - 01/2000	Quyền Chủ nhiệm Trung tâm nước sạch & VSMT Nông thôn Cần Thơ
02/2000 - 10/2005	Chủ nhiệm Trung tâm nước sạch & VSMT Nông thôn Cần Thơ
10/2005 - 09/2008	Phó Giám đốc - Ban QLDA ĐTXD Thành phố Cần Thơ
09/2008 - 02/2009	Quyền Giám đốc - Ban QLDA ĐTXD Thành phố Cần Thơ
02/2009 - 12/2011	Giám đốc - Ban QLDA ĐTXD Thành phố Cần Thơ
01/2012 - 06/2015	Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước cần Thơ
01/2012 - 07/2017	Chủ tịch HĐQT – CTCP Cấp nước Trà Nóc
01/2012 - 07/2017	Chủ tịch HĐQT - CTCP Cấp nước Ô Môn
01/2012 - nay	Chủ tịch HĐQT - CTCP Cấp nước Thốt Nốt
07/2015 - nay	Chủ tịch HĐQT - CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ
08/2017 - nay	Chủ tịch HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Thốt Nốt, Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022: 2.872.254 cổ phiếu, chiếm 36% vốn điều lệ. (Đại diện Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ)

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2022 của những người có liên quan:

- Hồ Thị Quý Mão (Vợ) nắm giữ 406.258 cổ phần, chiếm 5,09% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ nắm giữ 5.219.524 cổ phiếu, chiếm 65,42% vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Ông Huỳnh Minh Trung – Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

(Xem tại trang 25 – Phần lý lịch Ban điều hành)

Ông Trịnh Công Đoàn – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc

(Xem tại trang 26 – Phần lý lịch Ban điều hành)

Ông Nguyễn Minh Phương – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 02/9/1974
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 28B16 KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn: Đại học
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
08/2001 – 03/2004	Công nhân Tu bổ sửa chữa – Nhà máy nước Cần Thơ 2
03/2004 – 08/2007	Kỹ thuật viên Xí nghiệp Thoát nước
08/2007	Phó Giám đốc- Xí nghiệp Thoát nước
06/2008	Giám đốc - Xí nghiệp Thoát nước
04/2021	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
04/2022	Thành viên HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.347.270 cổ phiếu, chiếm 29,42% vốn điều lệ. (Đại diện Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ)

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ nắm giữ 5.219.524 cổ phiếu, chiếm 65,42% vốn điều lệ.

Bà Lâm Nguyệt Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 30/7/1976
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 2/30 đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
01/1999 – 12/2001	Nhân viên tiếp tân kiêm Kế toán Công ty Sony Việt Nam CN Cần Thơ
01/2002 - 12/2008	Chuyên viên phòng Kế hoạch - Ban QLDA ĐTXD TP Cần Thơ
01/2009 - 04/2012	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Ban QLDA ĐTXD TP Cần Thơ
05/2012 - 06/2015	Kiểm soát viên - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
05/2015 - 07/2017	Thành viên HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc
07/2015 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát - CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ
08/2017 - nay	Thành viên HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 187.200 cổ phần, chiếm 2,35% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ nắm giữ 5.219.524 cổ phiếu, chiếm 65,42% vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Ông Võ Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 12/02/1970
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 13B đường Bạch Đằng, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
09/1984 - 02/1991	Kế toán - Xí nghiệp cấp nước Huyện Thốt Nốt
02/1991 - 1995	Kế toán - Chi nhánh Cấp nước Thốt Nốt
1995 - 2002	Phó Giám đốc- Chi nhánh Cấp nước Thốt Nốt
2002 - 2006	Giám đốc - Chi nhánh Cấp nước Ô Môn
2007 - 06/2007	Giám đốc - Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn
2012 - 07/2017	Thành viên HĐQT - CTCP Cấp nước Ô Môn
05/2015 - 07/2017	Thành viên HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc
2007 - nay	Công tác tại nhà thuốc YHCT số 112 Lê Thị Tạo - Thốt Nốt
08/2017 – 04/2022	Thành viên HĐQT - CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn
04/2022 – nay	Thành viên BKS – CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Công tác tại nhà thuốc YHCT số 112 Lê Thị Tạo - Thốt Nốt

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 8.181 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ.

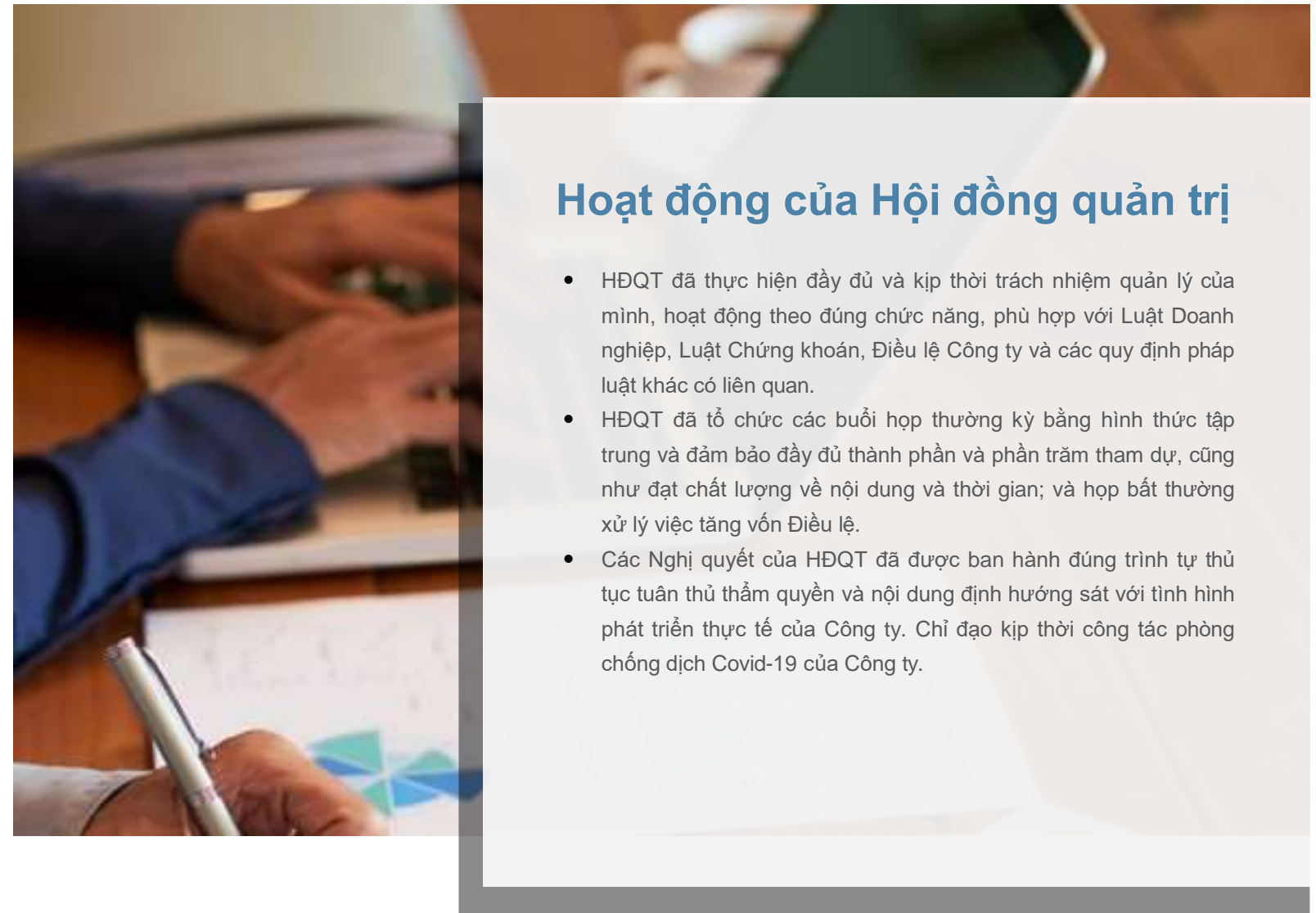
Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Những thay đổi thành viên HĐQT trong năm:

- Ông Võ Anh Tuấn thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT kể ngày 28/4/2022 (Lý do: Hết nhiệm kỳ).
- Ông Nguyễn Minh Phương giữ chức vụ Thành viên HĐQT kể ngày 28/4/2022 (Nhiệm kỳ 2022-2027).

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có



Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm quản lý của mình, hoạt động theo đúng chức năng, phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- HĐQT đã tổ chức các buổi họp thường kỳ bằng hình thức tập trung và đảm bảo đầy đủ thành phần và phần trăm tham dự, cũng như đạt chất lượng về nội dung và thời gian; và họp bất thường xử lý việc tăng vốn Điều lệ.
- Các Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành đúng trình tự thủ tục tuân thủ thẩm quyền và nội dung định hướng sát với tình hình phát triển thực tế của Công ty. Chỉ đạo kịp thời công tác phòng chống dịch Covid-19 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%
2	Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT, Giám đốc	6/6	100%
3	Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	6/6	100%
4	Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT	4/4	100%
5	Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT	6/6	100%
6	Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	2/2	100%

Hội đồng quản trị đã tổ chức phiên họp, trong đó có 06 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	27/01/2022	Nghị quyết HĐQT quý IV năm 2021
2	02/NQ-HĐQT	13/4/2022	Nghị quyết HĐQT quý I năm 2022
3	03/NQ-HĐQT	28/4/2022	Nghị quyết phiên họp đầu tiên nhiệm kỳ 2022 - 2027
4	04/NQ-HĐQT	27/7/2022	Nghị quyết HĐQT quý II năm 2022
5	05/NQ-HĐQT	26/10/2022	Nghị quyết HĐQT về việc ủy quyền cho BDH ký các hợp đồng giao dịch nội bộ và người có liên quan
6	06/NQ-HĐQT	26/10/2022	Nghị quyết HĐQT quý III năm 2022

Công ty không có tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, Người quản trị công ty và Thư ký công ty trong năm tham dự Hội nghị tập huấn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về “Giới thiệu điểm mới của hệ thống Luật Chứng khoán, liên quan đến các hoạt động của Công ty Đại chúng về công bố thông tin, Quản trị Công ty, chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch” tổ chức tại Cần Thơ ngày 14/10/2022.

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngô Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Hoàng Văn Khiêm	Thành viên Ban kiểm soát	54.280	0,68%
3	Võ Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	8.181	0,10%
4	Trương Thanh Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	3.000	0,04%

Lý lịch Ban kiểm soát

Bà Ngô Hồng Hạnh – Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 15/01/1978
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 49 đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
08/2001 - 09/2007	Nhân viên quản lý hóa đơn - Chi nhánh CN số 1 - Công ty Cấp thoát nước Cần Thơ.
10/2007 - 03/2013	Phụ trách kế toán - Xí nghiệp thoát nước Cần Thơ - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ
03/2013 - 7/2015	Phó Giám đốc - Xí nghiệp thoát nước Cần Thơ - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.
07/2015 - 07/2017	Phó Giám đốc - Xí nghiệp Xây lắp Thoát nước Cần Thơ - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.
07/2015 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
08/2017 - nay	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ nắm giữ 5.219.524 cổ phiếu, chiếm 65,42% vốn điều lệ.

Ông Hoàng Văn Khiêm – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 11/11/1973
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Số 3 đường số 3 KDC Diệu Hiền, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế, Thạc sỹ Báo chí
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
08/1993 - 11/1993	Chiến sĩ - Tiểu đoàn Tây Đô - Bộ CHQS Thành phố Cần Thơ.
11/1993 - 06/1997	Quản lý Tài chính - Trung đoàn 932.
06/1997 - 08/1999	Nhân viên tổ chức Ban Tổ chức Phòng Chính trị Bộ Chỉ huy quân sự Tỉnh Cần Thơ.
08/1999 - 01/2004	Trợ lý Dân Vận - Bộ CHQS Tỉnh Cần Thơ.
01/2004 - 08/2017	Trợ lý Tuyên Huấn - Bộ CHQS Thành phố Cần Thơ.
05/2008 - 03/2012	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Trà Nóc.
04/2012 - 03/2017	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Trà Nóc.
04/2017 - 07/2017	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Trà Nóc.
08/2017 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn
09/2017 - nay	Phó chánh văn phòng Ban chỉ huy quân sự TP. Cần Thơ.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó chánh văn phòng Ban chỉ huy quân sự TP. Cần Thơ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 54.280 cổ phần, chiếm 0,68% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

Ông Võ Anh Tuấn – Thành viên Ban kiểm soát

(Xem tại trang 63 – Phần lý lịch Hội đồng quản trị)

Ông Trương Thanh Hùng – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 17/3/1993
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 12 Khu dân cư số 5, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi công tác
02/2004 – 06/2006	Nhân viên ghi thu – Xí nghiệp Cấp thoát nước Trà Nóc
07/2006 – 09/2011	Nhân viên ghi thu – CTCP Cấp thoát nước Trà Nóc
10/2011 – 07/2017	Nhân viên thủ kho – CTCP Cấp nước Trà Nóc
08/2017 – 04/2022	Thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn
08/2017 – Nay	Tổ trưởng Tổ ghi thu – CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HDQT), các cuộc họp điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và trong công tác kế toán của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí và chất lượng nước sinh hoạt và khối lượng nước tiêu thụ.
- Thực hiện công tác thẩm định các Báo cáo tài chính theo kỳ kế toán của năm.
- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của HDQT và của Giám đốc trong việc thực hiện pháp luật Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Giám sát, kiểm tra việc công bố thông tin cho các cơ quan chức năng của Công ty phải kịp thời, đầy đủ và trung thực theo quy định pháp luật.
- Giữ mối liên lạc trong BKS, giữa BKS với HDQT và Ban Giám đốc.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông

Trong năm 2022, giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông đã duy trì tốt mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ và tuân thủ Điều lệ, các quy định của pháp luật dựa trên nguyên tắc đảm bảo vì lợi ích của cổ đông. Hội đồng quản trị đã kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để giám sát kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty nhằm đóng góp ý kiến với Giám đốc cùng Ban điều hành, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết đã đề ra. Với tư cách là giám sát viên và đại diện của cổ đông, các thành viên Ban Kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thông qua đó, Ban kiểm soát có cơ hội trao đổi, thảo luận trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông.

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ngô Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	5/5	100%
2	Hoàng Văn Khiêm	Thành viên Ban kiểm soát	5/5	100%
3	Võ Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%
4	Trương Thanh Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%

Những thay đổi thành viên Ban Kiểm soát trong năm:

- Ông Trương Thanh Hùng thôi giữ chức vụ Thành viên BKS kể từ ngày 28/4/2022 (Lý do: Hết nhiệm kỳ).
- Ông Võ Anh Tuấn giữ chức vụ Thành viên BKS kể từ ngày 28/4/2022 (Nhiệm kỳ 2022-2027).

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Thành viên	Chức danh	Lương, thưởng
I Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	74,40
2	Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT, Giám đốc	50,40
3	Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	50,40
4	Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT	50,40
5	Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT	50,40
II Ban kiểm soát			
1	Ngô Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	446,32
2	Hoàng Văn Khiêm	Thành viên Ban kiểm soát	37,80
3	Võ Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	37,80
III Ban điều hành			
1	Huỳnh Minh Trung	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	472,35
2	Trịnh Công Đoàn	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	441,51
3	Thái Minh Lực	Phó Giám đốc	422,64
4	Lê Thị Thanh Phương	Kế toán trưởng	386,79

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan với người nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm	Ghi chú
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		
Huỳnh Minh Trung	Người nội bộ	80.461	1,00 %	84.761	1,06%	Mua & bán	Thành viên HĐQT, Giám đốc

Ghi chú: Số liệu được lấy tính đến thời điểm 31/12/2022

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Nội dung	Tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Công ty mẹ	Mua hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ	267,20
2	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Công ty mẹ	Phải trả người bán	307,81
3	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thốt Nốt	Cùng Công ty mẹ	Cho vay	3.000
4	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thốt Nốt	Cùng Công ty mẹ	Thu lãi cho vay	50,52

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, Công ty hoàn thiện Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT và đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Công ty đã có sự chuẩn bị tốt cho ĐHCĐ 2022 và họp Hội đồng quản trị hàng quý và bất thường theo qui định.





06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán 79

Báo cáo tài chính được kiểm toán 81



MOORE AISC Auditing and Informatics
Services Company Limited
389A Dien Bien Phu Street, Ward 4
District 3, Ho Chi Minh City
Viet Nam
T: (8428) 3832 9129
F: (8428) 3934 2957
E: info@aisc.com.vn
www.aisc.com.vn

Số: B0522252-R/MOORE AISC-DN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trang 3

Branch in Hà Nội: 5th floor, 36 Hoa Bình 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Bà Trưng Dist., Hà Nội City
Branch in Đà Nẵng: 360 Hai Phong Str., Chính Gián Ward, Thanh Khê Dist., Đà Nẵng City

T: (84 24) 3782 0045 F: (84 24) 3787 0048 E: hanoi@aisc.com.vn
T: (84 236) 374 7619 F: (84 236) 374 7620 E: dnrang@aisc.com.vn



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Hùng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3174-2020-005-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC

Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2023

Đỗ Thị Hằng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 4226-2023-005-1

Trang 4

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.373.022.652	25.157.595.306
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.297.977.891	8.810.206.066
1. Tiền	111		1.297.977.891	2.110.206.066
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	6.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.800.000.000	2.800.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2.800.000.000	2.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.124.736.746	8.762.264.518
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.132.556.863	1.837.147.811
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.673.729.466	5.271.698.885
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.896.565.113	2.256.424.366
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(578.114.696)	(603.006.544)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	4.020.368.015	3.888.258.161
1. Hàng tồn kho	141		4.200.310.546	3.888.258.161
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(179.942.531)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.129.940.000	896.866.561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	667.947.006	172.314.391
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		461.992.994	724.552.170
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 5

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162.985.685.626	152.569.072.731
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	-	3.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		144.892.134.614	126.237.403.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	144.892.134.614	126.237.403.896
- Nguyên giá	222		228.965.865.946	199.942.114.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.073.731.332)	(73.704.710.125)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.028.588.257	17.910.817.336
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	12.028.588.257	17.910.817.336
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.064.962.755	5.420.851.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	6.064.962.755	5.420.851.499
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		184.358.708.278	177.726.668.037

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 6

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.614.173.183	24.527.750.433
I. Nợ ngắn hạn	310		20.490.039.721	16.363.563.605
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	4.505.118.379	3.668.980.151
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22.860.962	136.996.731
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.454.935.064	483.090.886
4. Phải trả người lao động	314		2.215.385.549	2.057.973.421
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	89.057.236	141.190.317
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.385.847.007	2.934.212.409
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a,b	4.911.745.647	6.326.148.069
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		480.376.518	257.822.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		424.713.359	357.149.621
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.124.133.462	8.164.186.828
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	6.124.133.462	8.164.186.828
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 7

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN


Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.744.535.095	153.198.917.604
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	157.744.535.095	153.198.917.604
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		79.781.500.000	79.781.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		79.781.500.000	79.781.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(82.478.663)	(82.478.663)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		51.362.368.988	44.233.913.987
5. Cổ phiếu quỹ	415		(990.000)	(990.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.102.955.580	7.586.974.929
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.581.179.190	21.679.997.351
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.207.885.459	2.865.211.844
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		15.373.293.731	18.814.785.507
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		184.398.708.278	177.726.668.037


Lương Thị Chí Hiếu
Người lập biểu

Cần Thơ, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2023


Lê Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng


Huỳnh Minh Trung
Giám đốc

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 8

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	69.133.860.186	64.315.207.153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	69.133.860.186	64.315.207.153
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	35.869.829.247	33.281.288.134
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		33.264.030.939	31.033.919.019
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	393.557.287	349.740.732
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.107.300.230	1.346.244.786
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.107.300.230	1.346.244.786
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	3.283.726.144	2.069.224.722
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	6.959.641.900	6.425.159.818
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		22.306.919.952	21.543.030.425
11. Thu nhập khác	31	VI.7	219.510.490	34.918.179
12. Chi phí khác	32	VI.8	420.674.984	559.748.412
13. Lợi nhuận khác/(lỗ) (40 = 31 - 32)	40		(201.164.494)	(524.830.233)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.105.755.458	21.018.200.192
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	6.646.786.727	2.203.414.685
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		15.458.968.731	18.814.785.507
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.927	2.459
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.927	2.459

Lương Thị Chí Hiếu
Người lập biểu

Cần Thơ, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2023

Lê Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng

Huỳnh Minh Trung
Giám đốc



Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 9

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		74.962.452.031	69.681.419.078
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(25.099.874.492)	(22.925.183.367)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.212.410.275)	(16.514.464.413)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.106.229.575)	(1.321.527.990)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(2.161.322.674)	(2.944.194.449)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.088.374.427	1.237.209.608
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(7.868.056.427)	(7.774.832.371)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.602.933.015	19.438.426.096
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(15.544.155.221)	(15.918.216.534)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.700.000.000)	(13.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.700.000.000	7.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		322.904.367	342.645.436
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.221.250.854)	(21.375.571.098)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	26.593.500.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	IX.3	7.428.944.190	14.518.440.959
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	IX.4	(10.883.399.978)	(23.516.338.184)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.439.454.548)	(9.645.716.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.893.910.336)	7.949.886.475

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 10

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 03 - DN


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(512.228.175)	6.012.741.473
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.810.206.066	2.797.464.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	8.297.977.891	8.810.206.066


Lương Thị Chí Hiếu
Người lập biểu

Cần Thơ, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2023


Lê Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng


Huỳnh Minh Trung
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn (gọi tắt là "Công ty") chính thức được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc và Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn theo Công văn số 1814/UBND-KT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801548417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06 tháng 7 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 5 năm 2021.

Trụ sở chính: Lô 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

4. Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.

7. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2022: 84 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 82 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi số kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh nước và lắp đặt.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**4.1 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 13

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (tiếp theo)

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp:

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp khác liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	06 - 30 năm
<i>Máy móc, thiết bị</i>	05 - 20 năm
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	10 - 30 năm
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	05 - 08 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị kỹ thuật công trình như: Chi phí nâng cấp, cải tạo, di dời các tuyến ống cấp nước.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (80% đến 90% giá trị đề nghị quyết toán, tùy theo từng công trình) khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định này sẽ được điều chỉnh và ghi nhận đầy đủ theo giá trị quyết toán công trình hoàn thành.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, phân bổ đồng hồ, chi phí sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên trong nhà máy và ngoài mạng lưới và các chi phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí thuê đất phân bổ theo thời gian thuê đất là 408 tháng.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 14

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ theo Hợp đồng lao động và Quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập theo quy định hiện hành.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí trích trước lãi vay đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Vốn khác

Vốn khác: phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

Trang 15

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tở thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hội tở sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

Trang 16

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành qua các giai đoạn như sau:

- Từ năm 2020 trở về trước: Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty là 20%

- Năm 2021: Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa với mức thuế suất 10%.

- Năm 2022: Công ty thực hiện điều chỉnh bổ sung tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo mức thuế suất thuế TNDN cho năm 2021 là 20%.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty áp dụng cho năm 2022 là 20%.

18. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

Trang 17

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2022	01/01/2022
Tiền	1.297.977.891	2.110.206.066
Tiền mặt	1.329.393	2.789.028
Tiền gửi ngân hàng	1.296.648.498	2.107.417.038
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	6.700.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng (lãi suất từ 3,3% - 5,1%/năm)	7.000.000.000	6.700.000.000
Cộng	8.297.977.891	8.810.206.066
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng (lãi suất từ 3,7% - 8,8%/năm)	2.800.000.000	2.800.000.000
Cộng	2.800.000.000	2.800.000.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

Trang 18

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Khách hàng trong nước				
Phải thu tiền nước	573.110.490	(44.432.928)	995.350.838	(69.324.776)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thuận Thành	360.863.000	(360.863.000)	360.863.000	(360.863.000)
Các đối tượng phải thu khác	198.583.373	(172.818.768)	480.933.973	(172.818.768)
Cộng	1.132.556.863	(578.114.696)	1.837.147.811	(603.006.544)
4. Trả trước cho người bán	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Nhà cung cấp trong nước				
Bà Lê Thị Bảy (*)	1.068.055.000	-	1.068.055.000	-
Ông Nguyễn Văn Cương (**)	1.104.938.000	-	1.104.938.000	-
Các đối tượng khác	500.736.466	-	3.098.705.885	-
Cộng	2.673.729.466	-	5.271.698.885	-
	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn	-	-	3.000.000.000	-
Phải thu về cho vay các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	-	-	3.000.000.000	-
Cộng	-	-	3.000.000.000	-

(*) Khoản trả trước cho Bà Lê Thị Bảy để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 19 tháng 4 năm 2021. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, hai bên đang trong quá trình thực hiện hồ sơ pháp lý để sang tên quyền sử dụng đất cho Công ty.

(**) Khoản trả trước cho Ông Nguyễn Văn Cương để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 07 tháng 7 năm 2021. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, hai bên đang trong quá trình thực hiện hồ sơ pháp lý để sang tên quyền sử dụng đất cho Công ty.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 19

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Phải thu khác	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng mua vật tư kho Chi nhánh cấp nước Ô Môn	634.571.140	-	576.955.490	-
Tạm ứng mua vật tư kho trạm cấp nước Thới Lai	609.260.332	-	554.351.908	-
Tạm ứng mua vật tư kho trạm cấp nước Cờ Đỏ	253.603.190	-	199.705.289	-
Tạm ứng	147.277.000	-	241.362.000	-
Phải thu khác	251.853.451	-	684.049.679	-
Cộng	1.896.565.113	-	2.256.424.366	-
7. Hàng tồn kho	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.200.310.546	(179.942.531)	3.888.258.161	-
Cộng	4.200.310.546	(179.942.531)	3.888.258.161	-

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.
- Lý do dẫn đến việc dự phòng giảm giá hàng tồn kho: tồn lâu năm, kỹ thuật lạc hậu và khó có khả năng tiêu thụ.

8. Nợ xấu: Xem thuyết minh trang 32.

9. Tài sản cố định hữu hình: Xem thuyết minh trang 33.

10. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
XDCB và sửa chữa Công trình mạng lưới cấp nước				
Mua sắm	-	-	989.620.000	-
Xây dựng cơ bản	11.969.833.857	-	16.921.197.336	-
Nhà máy nước Cờ Đỏ (*)	3.641.834.575	-	11.881.257.000	-
Các công trình khác	8.327.999.282	-	5.039.940.336	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	58.754.400	-	-	-
Cộng	12.028.588.257	-	17.910.817.336	-

(*) Công trình đã được đưa vào sử dụng từ tháng 7/2022 và đang thực hiện quyết toán.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11 Chi phí trả trước	31/12/2022	01/01/2022
a. Ngắn hạn	667.947.006	172.314.391
Công cụ dụng cụ xuất dùng	667.947.006	172.314.391
b. Dài hạn	6.064.962.755	5.420.851.499
Chi phí thuê đất (*)	3.507.239.343	2.632.851.041
Chi phí phân bổ đồng hồ thuê bao	1.306.052.794	1.775.608.938
Chi phí mở rộng mạng lưới nhỏ	157.404.706	223.997.377
Chi phí sửa chữa	889.963.595	486.842.643
Công cụ, dụng cụ	204.302.317	301.551.500
Cộng	6.732.909.761	5.593.165.890

(*) Đây là chi phí thuê đất trả tiền một lần tại Khu Công nghiệp Trà Nóc, thời hạn phân bổ đến năm 2047.

12. Phải trả người bán	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Nhà cung cấp trong nước				
Phải trả người bán là các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	-	-	16.775.000	16.775.000
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Kỹ thuật Đức Hùng	1.906.269.705	1.906.269.705	-	-
Công ty Cổ phần TM DV Môi trường Thuận Lâm Phát	442.260.000	442.260.000	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - CN Nhựa Bình Minh Long An	1.574.335.428	1.574.335.428	2.417.832.780	2.417.832.780
Các nhà cung cấp khác	582.253.246	582.253.246	1.251.147.371	1.251.147.371
Cộng	4.505.118.379	4.505.118.379	3.668.980.151	3.668.980.151

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	214.033.550	6.646.786.727	2.161.322.674	4.699.497.603
Thuế thu nhập cá nhân	16.988.436	181.599.101	192.993.228	5.594.309
Thuế tài nguyên	252.068.900	517.999.080	736.575.100	33.492.880
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí BVMT rừng	-	1.716.350.272	-	1.716.350.272
Cộng	483.090.886	9.066.735.180	3.094.891.002	6.454.935.064

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 21

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Nghĩa vụ của Công ty về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật, các văn bản dưới luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cụ thể của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	17.057.236	-
Các khoản trích trước khác	72.000.000	141.190.317
Cộng	89.057.236	141.190.317
15. Phải trả khác	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Phí bảo vệ môi trường	478.145.813	633.902.437
Cổ tức phải trả	725.437.742	912.934.668
Phí dịch vụ môi trường rừng	-	1.239.622.540
Các khoản phải trả khác	182.263.452	147.752.764
Cộng	1.385.847.007	2.934.212.409

16. Vay và nợ thuế tài chính	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	2.871.692.281	2.871.692.281	828.287.966	828.287.966
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.871.692.281	2.871.692.281	435.380.395	435.380.395
(2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	392.907.571	392.907.571
b. Vay dài hạn đến hạn trả	2.040.053.366	2.040.053.366	5.497.860.103	5.497.860.103
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.379.549.366	1.379.549.366	4.837.356.103	4.837.356.103
(2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	660.504.000	660.504.000	660.504.000	660.504.000
c. Vay dài hạn	6.124.133.462	6.124.133.462	8.164.186.828	8.164.186.828
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.527.310.898	3.527.310.898	4.906.860.264	4.906.860.264
(2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.596.822.564	2.596.822.564	3.257.326.564	3.257.326.564
Cộng	11.035.879.109	11.035.879.109	14.490.334.897	14.490.334.897

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 22

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thuyết minh khoản vay Ngân hàng:

(1) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Cần Thơ gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay Thời hạn đáo hạn	Lãi suất vay	Hạn mức tín dụng	Hình thức đảm bảo
27/2021/HĐHM- VCBTCT.KH	29/12/2021 12 tháng	5,8% - 6,0%	5 tỷ	Hệ thống cấp nước các tuyến ống và máy móc thiết bị
12/2018/VCBTCT-KH	20/11/2018 60 tháng	9,60%	16 tỷ	Tài sản hình thành từ vốn vay
31/2020/HĐTL-VCBTCT	29/9/2020 120 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	5,2 tỷ	Hệ thống cấp nước các tuyến ống và máy móc thiết bị
33/2020/HĐTL-VCBTCT	30/9/2020 120 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	10.920 tỷ	Hệ thống cấp nước các tuyến ống và máy móc thiết bị

(2) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Đô gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay Thời hạn đáo hạn	Lãi suất vay	Hạn mức tín dụng	Hình thức đảm bảo
01/2020 - HĐCVDADT/NHCT824 - CTCP-CAP-NUOC-TRA- NOC-O-MON	30/9/2020 84 tháng	8,90%	7,516 tỷ	Hệ thống năng lượng mặt trời, hệ thống tuyến ống D400 gang, 300 gang, D315HDPE, 200, 168, 144, 60 PVC tại huyện Cờ Đỏ.
01/2021 - HĐCVDADT/NHCT824 - CTCPCAPNUOCTRANOC OMON	08/12/2021 12 tháng	6,00%	5 tỷ	Hệ thống năng lượng mặt trời, hệ thống tuyến ống Quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem thuyết minh trang 34.

b. Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	65,42%	52.195.240.000	52.195.240.000
Các cổ đông khác	34,58%	27.586.260.000	27.586.260.000
Cộng	100,00%	79.781.500.000	79.781.500.000
Cổ phiếu quỹ		(990.000)	(990.000)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 23

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn góp của chủ sở hữu	79.781.500.000	79.781.500.000
Vốn góp đầu năm	79.781.500.000	53.188.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	26.593.500.000
Vốn góp cuối năm	79.781.500.000	79.781.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.371.466.300	9.573.780.000

d. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn tại nghị quyết thường niên năm 2020 và nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 7 năm 2021 về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn từ đợt phát hành để triển khai thực hiện dự án. Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Mục đích sử dụng	Kế hoạch (VND)	Đã sử dụng (VND)
Phân bổ cho dự án nhà máy nước Cờ Đỏ	15.956.100.000	14.649.206.138
Chi trả nhà thầu thi công công trình		14.503.190.991
Chi trả chi phí giám sát công trình		108.116.638
Chi trả chi phí bảo hiểm thi công công trình		37.898.509
Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	10.637.400.000	10.617.400.000
Chi trả nợ ngắn hạn		2.911.046.808
Chi trả tiền lãi vay		43.947.393
Chi mua đất nhà máy nước Cờ Đỏ		400.000.000
Chi mua vật tư sản xuất và thi công công trình khác		6.386.131.848
Chi nộp thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước		876.273.951
Cộng	26.593.500.000	25.266.606.138

Số tiền còn lại của đợt phát hành cổ phiếu, Công ty cam kết sử dụng đúng mục đích huy động vốn.

e. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.978.150	7.978.150
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.978.150	7.978.150
Cổ phiếu phổ thông	7.978.150	7.978.150
Số lượng cổ phiếu được mua lại	99	99
Cổ phiếu phổ thông	99	99
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.978.051	7.978.051
Cổ phiếu phổ thông	7.978.051	7.978.051
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu	10.000	10.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÓN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

f. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2022	01/01/2022
Quỹ đầu tư phát triển	6.102.955.580	7.586.974.929
Cộng	6.102.955.580	7.586.974.929

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu sản xuất nước	66.698.681.190	62.221.891.166
Doanh thu lắp đặt, công trình	2.435.178.996	2.093.315.987
Cộng	69.133.860.186	64.315.207.153
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu sản xuất nước	66.698.681.190	62.221.891.166
Doanh thu lắp đặt, công trình	2.435.178.996	2.093.315.987
Cộng	69.133.860.186	64.315.207.153
3. Giá vốn hàng bán	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn sản xuất nước	32.947.211.708	30.228.980.204
Giá vốn lắp đặt, công trình	2.742.675.008	3.052.307.930
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	179.942.531	-
Cộng	35.869.829.247	33.281.288.134
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	393.557.287	349.740.732
Cộng	393.557.287	349.740.732
5. Chi phí tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền vay	1.107.300.230	1.346.244.786
Cộng	1.107.300.230	1.346.244.786
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2021
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.283.726.144	2.069.224.722
Cộng	3.283.726.144	2.069.224.722

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 25

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÓN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2022	Năm 2021
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)	Năm 2022	Năm 2021
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	2.369.821.783	2.508.896.817
Chi phí khấu hao TSCĐ	42.069.811	50.856.192
Thuế, phí, lệ phí	883.299.384	816.159.863
(Hoàn nhập)/dự phòng phải thu khó đòi	44.432.928	(62.942.724)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.696.915	249.268.937
Chi phí bằng tiền khác	3.521.321.079	2.862.920.733
Cộng	6.959.641.900	6.425.159.818
7. Thu nhập khác	Năm 2022	Năm 2021
Hỗ trợ đi đò đường ống cấp nước	165.163.260	34.918.179
Thu nhập khác	54.347.230	-
Cộng	219.510.490	34.918.179
8. Chi phí khác	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí thanh lý vật tư	43.911.387	220.332.897
Chi phí khác	376.763.597	339.415.515
Cộng	420.674.984	559.748.412
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.761.049.954	2.038.952.700
Chi phí nhân công	16.708.630.984	16.147.194.583
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.369.021.207	9.182.423.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.139.381.483	7.457.027.300
Chi phí khác bằng tiền	7.708.339.660	6.859.331.763
Cộng	45.686.423.288	41.684.929.777
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2022	Năm 2021
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.105.755.458	21.018.200.192
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	552.528.174	450.923.238
Các khoản điều chỉnh tăng	552.528.174	450.923.238
+ Chi phí không được trừ	552.528.174	450.923.238
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	22.658.283.632	21.469.123.430
Thu nhập chịu thuế suất 20%	22.658.283.632	317.823.418
Thu nhập chịu thuế suất 10%	-	21.151.300.012
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.531.656.726	2.178.694.685
Thuế suất 20%	4.531.656.726	63.564.684
Thuế suất 10%	-	2.115.130.001
5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	2.115.130.001	24.720.000
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.646.786.727	2.203.414.685

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 26

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Lãi trên cổ phiếu	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.458.968.731	18.814.785.507
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(85.675.000)	(456.209.940)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(85.675.000)	(456.209.940)
+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(85.675.000)	(456.209.940)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.373.293.731	18.358.575.567
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.978.051	7.465.413
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.927	2.459
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.927	2.459

(*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2022.

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022		
VND	+100	607.694
VND	-100	(607.694)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021		
VND	+100	1.170.821
VND	-100	(1.170.821)

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	4.911.745.647	6.124.133.462	-	11.035.879.109
Phải trả người bán	4.505.118.379	-	-	4.505.118.379
Chi phí phải trả	89.057.236	-	-	89.057.236
Các khoản phải trả, phải nộp khác	660.409.265	-	-	660.409.265
Cộng	10.166.330.527	6.124.133.462	-	16.290.463.989
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	6.326.148.069	8.164.186.828	-	14.490.334.897
Phải trả người bán	3.668.980.151	-	-	3.668.980.151
Chi phí phải trả	141.190.317	-	-	141.190.317
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.021.277.741	-	-	2.021.277.741
Cộng	12.157.596.278	8.164.186.828	-	20.321.783.106

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng một phần phương tiện vận tải, truyền dẫn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.16 - Vay và nợ thuế tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH: Xem thuyết minh trang 35.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của các nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
Không phát sinh.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không phát sinh.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2022	Năm 2021
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	7.428.944.190	14.518.440.959

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2022	Năm 2021
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	10.883.399.978	23.516.338.184

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính quan trọng nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính phải thuyết minh trong báo cáo tài chính.

2. Các thông tin khác và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có thông tin và sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Cùng Công ty mẹ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 29

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong năm, các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Mua hàng hóa	267.204.200	363.883.550
	Thanh toán tiền mua hàng	307.808.476	-
	Chia cổ tức	6.785.381.200	-
	Chi trả cổ tức	6.785.381.200	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Thu tiền nợ vay	3.000.000.000	-
	Lãi cho vay	50.520.529	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với bên liên quan như sau:

Cho vay các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Cho vay	-	3.000.000.000
Cộng		-	3.000.000.000
Phải trả người bán là bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Mua hàng hóa	-	(16.775.000)
Cộng		-	(16.775.000)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	Năm 2022	Năm 2021
---	----------	----------

1. Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	74.400.000	74.400.000
Ông Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	50.400.000	50.400.000
Ông Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	50.400.000	50.400.000
Bà Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT	50.400.000	50.400.000
Bà Lâm Nguyệt Thanh	Thành viên HĐQT	50.400.000	50.400.000

2. Ban kiểm soát

Bà Ngô Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	446.320.000	446.320.000
Ông Hoàng Văn Khiêm	Thành viên Ban kiểm soát	37.800.000	37.800.000
Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	37.800.000	37.800.000

3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Huỳnh Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	472.355.614	472.355.614
Ông Trịnh Công Đoàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	441.510.000	441.510.000
Ông Thái Minh Lục	Phó Giám Đốc	422.640.000	422.640.000
Bà Lê Thị Thanh Phượng	Kế toán trưởng	386.794.386	386.794.386
Cộng		2.521.220.000	2.521.220.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 30

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÓN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước. Công ty hoạt động chủ yếu trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

5. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021		Chênh lệch
		Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.520	2.459	(61)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.520	2.459	(61)

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.


Lương Thị Chí Hiếu
Người lập biểu


Lê Thị Thanh Phương
Kế toán trưởng


Huỳnh Minh Trung
Giám đốc

Cần Thơ, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

Trang 31

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÓN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. Nợ xấu

31/12/2022

01/01/2022

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	597.157.380	19.042.684		626.772.240	23.765.696	
Công ty XD Thuận Thành	360.863.000	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	360.863.000	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Thái Quảng	73.169.601	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	73.169.601	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	56.533.167	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	56.533.167	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Lê Gia Hưng	43.116.000	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	43.116.000	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Các khoản phải thu khách hàng tiền nước tồn hóa đơn năm 2018, 2019	-	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	93.090.472	23.765.696	Khoản phải thu quá hạn từ 2 đến 3 năm
Các khoản phải thu khách hàng tiền nước tồn hóa đơn năm 2020	63.475.612	19.042.684	Khoản phải thu quá hạn từ 2 đến 3 năm	-	-	

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

Trang 32

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÓN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	30.623.478.344	30.448.370.059	138.345.740.046	524.525.572	199.942.114.021
Mua trong năm	-	269.523.000	-	57.800.000	327.323.000
ĐT.XDCB h.đành	17.823.369.866	-	10.873.059.059	-	28.696.428.925
Số dư cuối năm	48.446.848.210	30.717.893.059	149.218.799.105	582.325.572	228.965.865.946
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.064.445.942	22.089.308.608	32.147.489.788	403.465.787	73.704.710.125
Khấu hao trong năm	1.860.008.958	1.194.361.766	7.258.742.249	55.908.234	10.369.021.207
Số dư cuối năm	20.924.454.900	23.283.670.374	39.406.232.037	459.374.021	84.073.731.332
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	11.559.032.402	8.359.061.451	106.198.250.258	121.059.785	126.237.403.896
Số dư cuối năm	27.522.393.310	7.434.222.685	109.812.567.068	122.951.551	144.892.134.614

- * Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 56.360.173.084 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.575.555.205 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: Không có.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÓN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.17. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	53.188.000.000	-	(990.000)	35.307.592.052	11.249.009.205	16.406.593.818	116.150.205.075
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	18.814.785.507	18.814.785.507
Vốn góp tăng trong năm	26.593.500.000	-	-	-	-	-	26.593.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	(82.478.663)	-	-	-	-	(82.478.663)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng năm trích năm 2020	-	-	-	-	-	1.296.685.685	1.296.685.685
Trích lập quỹ của doanh nghiệp	-	-	-	-	5.264.287.659	(5.264.287.659)	-
Tài sản hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.926.321.935	(8.926.321.935)	-	-
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	-	(9.573.780.000)	(9.573.780.000)
Số dư cuối năm trước	79.781.500.000	(82.478.663)	(990.000)	44.233.913.987	7.586.974.929	21.679.997.351	153.198.917.604
Số dư đầu năm nay	79.781.500.000	(82.478.663)	(990.000)	44.233.913.987	7.586.974.929	21.679.997.351	153.198.917.604
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	15.458.968.731	15.458.968.731
Trích lập quỹ của doanh nghiệp năm 2021	-	-	-	-	-	(5.644.435.652)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2021	-	-	-	-	5.644.435.652	-	-
Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2022	-	-	-	-	-	(456.209.940)	(456.209.940)
Tài sản hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.128.455.001	(7.128.455.001)	(85.675.000)	(85.675.000)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	-	(10.371.466.300)	(10.371.466.300)
Số dư cuối năm nay	79.781.500.000	(82.478.663)	(990.000)	51.362.368.988	6.103.955.580	20.581.179.190	157.744.535.095

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 34

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÓN

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH


Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2022		31/12/2021		31/12/2022	31/12/2021
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-	2.800.000.000	2.800.000.000
Phải thu khách hàng	1.132.556.863	(578.114.696)	1.837.147.811	(603.006.544)	554.442.167	1.234.141.267
Phải thu về cho vay	-	-	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Phải thu khác	251.853.451	-	207.458.362	-	251.853.451	207.458.362
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.297.977.891	-	8.810.206.066	-	8.297.977.891	8.810.206.066
TỔNG CỘNG	12.482.388.205	(578.114.696)	16.654.812.239	(603.006.544)	11.904.273.509	16.051.805.695
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	11.035.879.109	-	14.490.334.897	-	9.980.712.630	14.241.378.509
Phải trả người bán	4.505.118.379	-	3.668.980.151	-	4.505.118.379	3.668.980.151
Chi phí phải trả	89.057.236	-	141.190.317	-	89.057.236	141.190.317
Phải trả khác	660.409.265	-	2.021.277.741	-	660.409.265	2.021.277.741
TỔNG CỘNG	16.290.463.989	-	20.321.783.106	-	15.235.297.510	20.072.826.718

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 35





Báo cáo thường niên **2022**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRÀ NÓC - Ô MÔN

Cần Thơ, ngày 13 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Hữu Lộc